



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
Lam Dong Investment & Hydraulic Construction Joint-stock Co.
Địa chỉ/Address: 87 Phù Đổng Thiên Vương – Phường 8 – TP.Đà Lạt – T.Lâm Đồng
Điện thoại/Tel: 0263.3821854 Fax: 0263.3832542
Website: www.lhc.com.vn Email: xdthuyloild@vnn.vn

Số: 01/2021/TB-HĐQT-LHC

Lâm Đồng, ngày 03 tháng 4 năm 2021
Lamdong province, April 03rd, 2021

THÔNG BÁO/ ANNOUNCEMENT

V/v Mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 21 năm 2021

Ref: Participation of the 21st Annual General Meeting of Shareholders 2021

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng trân trọng thông báo đến Quý cổ đông của Công ty:

Board of Directors of Lamdong Investment & Hydraulic Construction Joint-stock Company ("LHC Company") hereby notify and invite esteemed Shareholders of LHC Company:

1) Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 21 năm 2021/ *Convene the Annual General Meeting of Shareholders 2021*

- Thời gian/Time: 07 giờ 30 ngày 25 tháng 4 năm 2021 (Chủ nhật)/ *7:30 a.m April 25, 2021 (Sunday)*

- Địa điểm: Phòng họp – SÀI GÒN-ĐÀ LẠT HOTEL – Số 180 đường 3 tháng 2, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Venue: Meeting room of Saigon-Dalat hotel, No 180, 3/2 sreet, Dalat city, Lamdong province.

- Điều kiện tham dự/Participants: Cổ đông có tên trong danh sách chốt ngày 26/3/2021/ *All Shareholders holding LHC's shares who are on the list of Shareholders as of March, 26, 2021 issued by Vietnam Securities Depository.*

2) Nội dung chính của Đại hội/Main content of the meeting:

2.1- Báo cáo công tác quản trị Công ty năm 2020/ *Report of the Board of Directors ("BOD") in 2020;*

2.2- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán/ *The Audited Financial Statements of LHC Company in 2020;*

2.3- Báo cáo của Ban kiểm soát/ *Report of the Supervisory Board;*

2.4- Thảo luận và thông qua các Tờ trình của Hội đồng quản trị/ *Discuss and approve Reports of the Board of Directors.*

2.4.1- Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2020/ *Report on: Profit distribution in 2020.*

2.4.2- Tờ trình về quyết toán Thù lao HĐQT và BKS năm 2020; Kế hoạch năm 2021/ *Report on: The remuneration of BOD and Supervisory Board in 2020. The remuneration of BOD and Supervisory Board in 2021;*

2.4.3- Tờ trình về Kế hoạch SXKD, chia cổ tức và đầu tư năm 2021/ *Report on: The production plan and dividend in 2021;*

2.4.4- Tờ trình về lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2021/ *Report on: The auditor selection for Financial Statements in 2021;*

2.4.5- Tờ trình về Ủy quyền Tổng giám đốc công ty ký hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan có giá trị tài sản dưới 35%/ *Report on: Authorizing CEO to sign contracts and transactions between the Company and related persons with asset value below 35%;*





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Lam Dong Investment & Hydraulic Construction Joint-stock Co.

Địa chỉ/Address: 87 Phù Đổng Thiên Vương – Phường 8 – TP.Đà Lạt – T.Lâm Đồng

Điện thoại/Tel: 0263.3821854

Fax: 0263.3832542

Website: www.lhc.com.vn Email: xdthuyloild@vnn.vn

2.4.6- Tờ trình về gia hạn chủ trương sáp nhập CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng và CTCP Đầu tư và Xây dựng 40 trong năm 2021 hoặc năm 2022/ *Report on: Merger policy of LHC Company and Construction and Investment Joint Stock Company 40 in 2021 or 2022;*

2.4.7- Tờ trình về sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty; sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát/ *Report on: Amend and supplement the Company Charter; Amend and supplement Internal regulations on corporate governance; Regulation on operation of the Board of Directors; Operation Regulation of the Supervisory Board.*

2.5- Các nội dung khác theo quy định của Pháp luật/ *Other issues (if any)*

(Tài liệu của Đại hội được đăng trên Website: www.lhc.com.vn; mục quan hệ cổ đông. Để Đại hội hoàn thành trong buổi sáng, đề nghị Quý cổ đông đọc trước tài liệu Đại hội)

(Documents related to the Meeting will be posted on the website: www.lhc.com.vn; Shareholder relation item. For the meeting to be completed in the morning, shareholders are requested to read the meeting documents in advance.

3) Để Đại hội đồng cổ đông thường niên thành công tốt đẹp, HĐQT Công ty mong Quý cổ đông về dự Đại hội đông đủ. Trường hợp Quý cổ đông không tham dự được thì đề nghị Quý cổ đông ủy quyền cho người khác hoặc ủy quyền theo danh sách kèm theo của Hội đồng quản trị. *For the General Meeting of Shareholders to be successful, the Board of Directors of the Company wishes shareholders to attend the meeting. In case shareholders cannot attend, shareholders are requested to authorize another person or authorize according to the attached list of the Board of Directors.*

4) Đề nghị Quý cổ đông gửi Giấy đăng ký dự họp hoặc Giấy ủy quyền (bản gốc theo mẫu của công ty hoặc lập theo quy định của pháp luật về dân sự ghi rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền và Thư mời tham dự Đại hội nộp cho Ban tổ chức) về trụ sở Công ty trước 16 giờ ngày 23/4/2021 bằng đường bưu điện để Ban tổ chức tập hợp danh sách tham dự Đại hội, hoặc nộp trực tiếp tại Ban tổ chức Đại hội. *Shareholders are requested to send registration form to attend the meeting or power of attorney (the original is in the form of the Company or made according to the provisions of civil law, clearly stating the full name of the individual, the authorized organization and the number of authorized shares and the letter of invitation to attend the meeting are submitted to the organizers) to the head office of the Company before 16:00 on April 23, 2021 by post for the organizers to gather the list of attendees to the meeting, or submit directly to the organizers.*

Trân trọng kính mời.

Sincerely yours.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ On behalf of the BOM
CHỦ TỊCH/CHAIRMAN



Lê Đình Hiến



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Lam Dong Investment & Hydraulic Construction Joint-stock Co.

Địa chỉ/Address: 87 Phù Đổng Thiên Vương – Phường 8 – TP.Đà Lạt – T.Lâm Đồng

Điện thoại/Tel: 0263.3821854

Fax: 0263.3832542

Website: www.lhc.com.vn Email: xdthuyloild@vnn.vn

1) Ông Lê Đình Hiến

Chủ tịch HĐQT

CMND số: 250412901; cấp ngày: 14/12/2015; tại Lâm Đồng

Địa chỉ thường trú: 70 Pastuer, phường 4, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

2) Ông Hầu Văn Tuấn

Phó chủ tịch HĐQT – Kế toán trưởng

CMND số: 250470269; cấp ngày: 23/05/2018; tại Lâm Đồng

Địa chỉ thường trú: 27 Thiên Thành, Phường 4, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

3) Ông Lê Văn Quý

Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc

CMND số: 250783035; cấp ngày: 24/07/2006; tại Lâm Đồng

Địa chỉ thường trú: F405 Chung cư 69 Hùng Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

4) Ông Mai Nam Dương

Thành viên HĐQT

CMND số: 250349103; cấp ngày: 16/5/2005; tại Lâm Đồng

Địa chỉ thường trú: 2/1 Huỳnh Thúc Kháng, phường 4, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

5) Ông Bùi Trung Trực

Thành viên HĐQT

CMND số: 250050326; cấp ngày: 10/12/2001; tại Lâm Đồng

Địa chỉ thường trú: Hiệp Thạnh, Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

6) Bà Nguyễn Thị Liên

Trưởng Ban kiểm soát

CMND số: 250308788; cấp ngày: 05/04/2010; tại Lâm Đồng

Địa chỉ thường trú: 07T21 An Sơn, phường 4, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

DỰ THẢO**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 21 NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

* Địa điểm: SÀI GÒN-ĐÀ LẠT HOTEL – Số 180 đường 3 tháng 2, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

* Ngày tổ chức Đại hội: 1/2 ngày 25 tháng 4 năm 2021, khai mạc lúc 8h00

* Tiếp đón cổ đông, cổ đông làm thủ tục đăng ký dự Đại hội: 7h30 – 8h00

STT	NỘI DUNG	Thời gian	Người thực hiện
1	Tuyên bố lý do Đại hội; Giới thiệu thành phần tham dự	8h00 – 8h05	Ông Lê Văn Quý
2	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.	8h05 – 8h10	Ông Nguyễn Thanh Tùng
3	Chủ tịch HĐQT chủ trì Đại hội. Thông qua danh sách Ban thư ký và Ban Kiểm phiếu. Thông qua chương trình Đại hội	8h10 – 8h15	Ông Lê Đình Hiến
4	Thông qua Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 21 năm 2021	8h15 – 8h25	Ông Hậu Văn Tuấn
5	Phần 1: Thảo luận các nội dung và biểu quyết theo quy định của Luật Doanh nghiệp - Báo cáo quản trị, BKS, kết quả SXKD năm 2020; - Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán; - Tờ trình: Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020; - Tờ trình: Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và Phương án thù lao HĐQT, BKS năm 2021; - Tờ trình: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021; - Tờ trình: Lựa chọn Công ty kiểm toán tài chính năm 2021; - Tờ trình: Ủy quyền Tổng giám đốc ký hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan có giá trị tài sản dưới 35% - Tờ trình: Dự thảo Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; - Gia hạn chủ trương sáp nhập Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng và Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40. * Đại hội bỏ phiếu biểu quyết các nội dung trên	8h25 – 9h40	Ông Lê Đình Hiến
6	Bầu cử Thành viên HĐQT và Kiểm soát viên + Thông qua Đơn ứng cử/đề cử + Thông qua Quy chế bầu cử + Bầu cử: * Hướng dẫn bầu phiếu *Đại hội tiến hành bầu cử	9h40 – 10h25	Ông Hậu Văn Tuấn
	<i>Đại hội nghỉ giải lao 20 phút (10g00 - 10h20); Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu</i>		
7	Phần 2: Thảo luận, giải trình các nội dung – không có biểu quyết	10h45 – 11h10	Ông Lê Đình Hiến
8	Ban kiểm phiếu công bố kết quả Bầu cử và kết quả biểu quyết các nội dung tại Đại hội	11h10 – 11h25	Thư ký Đại hội
9	Thông qua Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông năm 2020	11h25 – 11h40	Thư ký Đại hội
10	Bế mạc Đại hội	11h40	

Lưu ý: - Nội dung chương trình có thể thay đổi để phù hợp với diễn biến thực tế tại Đại hội.

- Đề nghị cổ đông sử dụng chất sát khuẩn tay, đeo khẩu trang và giữ khoảng cách ngồi 2m trong thời gian

Đại hội nhằm đảm bảo quy định của Nhà nước về phòng chống dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Tp. Đà Lạt, Lâm Đồng

Điện thoại: 0263.3832511 Fax: 0263.3554065

DỰ THẢO

Đà Lạt, ngày tháng 4 năm 2021

**QUY CHẾ LÀM VIỆC, THỂ LỆ BIỂU QUYẾT TẠI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.*

Đề Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (gọi tắt là “**Công ty LHC**”) được tiến hành trong không khí trang trọng, hợp lệ và thành công tốt đẹp, kính đề nghị Quý cổ đông tham dự Đại hội thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy chế này.

A. QUY CHẾ LÀM VIỆC

I. TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Biểu quyết Chương trình Đại hội, thống nhất Quy chế làm việc, Thể lệ biểu quyết, quy chế bầu cử tại Đại hội.

2. Thông qua các nội dung cuộc họp thường niên gồm:

- Báo cáo của HĐQT và Ban kiểm soát;
- Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2020;
- Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2020;
- Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và phương án thù lao năm 2021;
- Tờ trình kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
- Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán tài chính năm 2021;
- Tờ trình Ủy quyền TGD ký hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan có giá trị tài sản dưới 35% tổng tài sản;
- Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Tờ trình Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Tờ trình Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Tờ trình ứng viên TV HĐQT, KSV BKS.

II. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo Danh sách cổ đông chốt ngày 26/3/2021.

III. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều kiện cổ đông tham dự: Cổ đông là pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt ngày 26/3/2021 đều có quyền tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Khách mời tại Đại hội: Là các chức danh quản lý của Công ty LHC, thành viên trong Ban tổ chức không phải là cổ đông nhưng được mời tham dự Đại hội. Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi dự họp.

- Mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tới dự họp phải mang theo giấy tờ tùy thân (CMND, thẻ CCCD hoặc hộ chiếu), giấy ủy quyền theo mẫu của Công ty LHC hoặc lập theo quy định pháp luật về dân sự có ghi rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền, và Thư mời tham dự nộp cho Ban tổ chức.

- Trong thời gian diễn ra cuộc họp, các cổ đông phải tuân thủ theo hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự; Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại; Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;

- Đề nghị quý cổ đông thường xuyên sử dụng chất sát khuẩn tay, đeo khẩu trang và giữ khoảng cách ngồi 2m trong suốt thời gian diễn ra Đại hội đảm bảo các quy định của Nhà nước về phòng chống dịch.

- Các cổ đông phải giữ bí mật, kỷ luật phát ngôn, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm hoặc đưa cho người ngoài khi chưa được Chủ tọa cho phép.

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của cuộc họp thường niên. Cổ đông vi phạm quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét cảnh trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông vi phạm quy chế khỏi nơi diễn ra Đại hội, hoặc theo các hình thức quy định tại khoản 7, Điều 146 Luật Doanh nghiệp năm 2020 để đảm bảo Đại hội diễn ra bình thường theo chương trình kế hoạch.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền biểu quyết ngay, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

IV. PHÁT BIỂU TẠI ĐẠI HỘI

Cổ đông hoặc Người đại diện theo ủy quyền muốn phát biểu ý kiến phải:

- Được sự chấp thuận của Chủ tọa.
- Nêu tên và mã số cổ đông trước khi phát biểu. Nội dung phát biểu ngắn gọn và phù hợp với nội dung họp.
- Thời gian phát biểu không quá 05 phút cho 01 lần phát biểu.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa Đại hội.

2. Trách nhiệm của Chủ tọa:

- Điều hành họp theo chương trình và quy chế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số;
- Hướng dẫn cổ đông thảo luận, biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình họp và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình họp;
- Điều hành việc biểu quyết các báo cáo, kế hoạch của HĐQT, Ban KS và nội dung các tờ trình;
- Trả lời hoặc cử cán bộ quản lý có liên quan trả lời các vấn đề do Đại hội yêu cầu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình diễn ra tại phiên họp.

VI. THƯ KÝ ĐẠI HỘI

1. Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa Đại hội chỉ định và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng biểu quyết.

2. Trách nhiệm của Ban Thư ký: Thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa Đại hội, bao gồm:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực mọi diễn biến của Đại hội vào Biên bản Đại hội;
- Đọc Biên bản và Nghị quyết Đại hội trước khi bế mạc Đại hội.

VII. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị chỉ định.

2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông giúp chủ tọa Đại hội kiểm tra các điều kiện tiến hành Đại hội. Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Trường hợp người đến dự Đại hội không chứng minh được đầy đủ tư cách cổ đông tham dự Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối cấp phiếu biểu quyết và tài liệu họp.

B. THẺ LỆ BIỂU QUYẾT

I. BAN KIỂM PHIẾU

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể là cán bộ công nhân viên của Công ty LHC, cổ đông. Thành viên Ban kiểm phiếu không đồng thời là Chủ tọa hoặc Ban Thư ký Đại hội.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Giúp chủ tọa Đại hội phổ biến nguyên tắc, thể lệ và hướng dẫn cách thức biểu quyết các nội dung theo chương trình Đại hội;

- Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết, bầu phiếu của cổ đông, đại diện cổ đông;

- Tổ chức kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả bỏ phiếu biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội một cách trung thực và chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm phiếu trước Đại hội;

- Giao lại biên bản và toàn bộ phiếu biểu quyết, phiếu bầu cho Chủ tọa Đại hội hoặc Ban thư ký Đại hội.

II. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc biểu quyết:

- Dùng “**Phiếu biểu quyết**” để thông qua các báo cáo và tờ trình tại Đại hội. Mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông được phát một (01) phiếu biểu quyết. Trong đó, có ba (03) ý kiến: *Tán thành, không tán thành và không có ý kiến* với từng nội dung biểu quyết. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông “ký tên” vào ô mình chọn.

- Dùng “**Thẻ biểu quyết**” để thông qua các nội dung khác, trừ các vấn đề đã được biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết nêu trên. Mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết thì giơ cao thẻ biểu quyết hướng về Chủ tọa theo trình tự: Đồng ý; không đồng ý. Ban kiểm phiếu sẽ đếm phiếu và dùng phương pháp loại trừ để xác định kết quả biểu quyết.

Trường hợp đại biểu không giơ thẻ biểu quyết trong cả hai lần biểu quyết “*Đồng ý, không đồng ý*” của một nội dung biểu quyết thì được xem như biểu quyết đồng ý nội dung đó.

2. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết:

- Về hình thức: Phiếu hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, có dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa và phải có chữ ký của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

- Về nội dung: Phiếu biểu quyết không ghi thêm nội dung nào khác ngoài quy định, “Ký tên” bằng bút mực chọn (01) trong (03) ô biểu quyết.

- Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có trên 50% hoặc 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông và đại diện ủy quyền dự họp chấp thuận tùy thuộc vào nội dung biểu quyết được quy định tại Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Điều 21 Điều lệ Công ty.

3. Bầu cử:

Việc bầu cử TV Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên Ban kiểm soát thực hiện theo Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Các nội dung không được quy định chi tiết tại Quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật DN 2020 và các văn bản pháp luật liên quan.

Quy chế làm việc và thể lệ biểu quyết này được đọc trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông. Nếu Đại hội thông qua với tỷ lệ trên 50% tổng số biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên, Quy chế này sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các cổ đông.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

87 Phù Đổng Thiên Vương – Phường 8 – TP.Đà Lạt – T.Lâm Đồng

Điện thoại: 0263.3821854

Fax: 0263.3832542

Website: www.lhc.com.vn

Email: xdthuyloild@vnn.vn

PHIẾU BIỂU QUYẾT**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021****Cổ đông:****Số CMND:****Số cổ phần sở hữu và đại diện : CP.****Tổng số phiếu biểu quyết : CP.****Mã số:****CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT**

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1. Thông qua báo cáo quản trị, báo cáo Ban kiểm soát Công ty năm 2020.			
2. Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020. (Tờ trình số: 15/TTr-HĐQT)			
3. Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2020. (Tờ trình số: 16/TTr-HĐQT)			
4. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, chia cổ tức và đầu tư năm 2021. (Tờ trình số: 17/2018/TTr-HĐQT)			
5. Thông qua Ủy quyền Tổng giám đốc điều hành công ty ký hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan có giá trị dưới 35% tổng tài sản. (Tờ trình số: 18/TTr-HĐQT)			
6. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021. (Tờ trình số: 19/TTr-HĐQT)			
7. Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và phương án thù lao năm 2021. (Tờ trình số: 20/TTr-HĐQT)			
8. Thông qua chủ trương sáp nhập CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (Công ty mẹ) và CTCP Đầu tư và Xây dựng 40 (Công ty con) trong năm 2021 hoặc 2022 (Tờ trình số: 21 /TTr-HĐQT)			
9. Thông qua việc Ban hành Điều lệ công ty; Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. (Tờ trình số: 22 /TTr-HĐQT)			

Cách biểu quyết: Quý cổ đông vui lòng “ký tên” vào ô mình biểu quyết.

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 04 năm 2021**CỔ ĐÔNG/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty LHC.
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - + Phiếu không do Công ty LHC phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của LHC trên phiếu);
 - + Phiếu không có chữ ký của cổ đông/ đại diện cổ đông, không có ý kiến nào hoặc có từ 02 ý kiến trở lên;
 - + Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu ghi thêm nội dung không do Chủ tọa Đại hội yêu cầu.

BÁO CÁO

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2020 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 21 – Năm 2021

I- Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hoạt động với 5 thành viên.

1- Trong năm 2020 Hội đồng quản trị tổ chức 6 cuộc họp và quyết định kịp thời những vấn đề đáp ứng kịp thời hoạt động Sản xuất - kinh doanh của Công ty:

- Chỉ đạo bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh ĐHĐCĐ giao, đề ra giải pháp, kịp thời giải quyết những phát sinh trong sản xuất kinh doanh.

- Các cuộc họp HĐQT đều đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tuân thủ thực hiện các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 vượt chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch ĐHĐCĐ giao, mang lại lợi ích cao cho cổ đông và người lao động của Công ty.

STT	Thành viên	Lĩnh vực phụ trách	Chức vụ
01	Ông Lê Đình Hiền	Phụ trách chung, chịu trách nhiệm cao nhất về các lĩnh vực thuộc trách nhiệm của HĐQT được quy định tại điều 25 và 26 điều lệ công ty. -Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT, chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu cuộc họp; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của HĐQT. -Lập chương trình công tác, phân công các thành viên HĐQT thực hiện việc kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của công ty. -Thay mặt HĐQT ký các văn bản, quyết định, quy định, các hợp đồng, thỏa thuận thuộc thẩm quyền của HĐQT và đã được HĐQT thông qua. -Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông theo luật định. -Trực tiếp phụ trách công tác quan hệ cổ đông, cổ phần, cổ phiếu và công tác thi đua khen thưởng của công ty; công tác đầu tư. -Theo dõi, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và nghị quyết của ĐHĐCĐ.	Chủ tịch HĐQT

02	Ông Hầu Văn Tuấn	<ul style="list-style-type: none"> -Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về việc ủy quyền của mình. -Thực hiện công việc khác do HĐQT giao. -Trực tiếp phụ trách công tác: tài chính kế toán, tài sản của công ty; kiểm tra giám sát và đánh giá tình hình sử dụng vốn; -Phụ trách công tác kiểm soát công nợ và thu hồi công nợ. -Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và nghị quyết của ĐHĐCĐ. -Thực hiện các công việc khác do HĐQT công ty giao. 	Phó Chủ tịch HĐQT; Kế toán trưởng
03	Ông Lê Văn Quý	<ul style="list-style-type: none"> -Trực tiếp phụ trách công tác kỹ thuật, định mức kinh tế-kỹ thuật, phối kết hợp với các thành viên HĐQT khác trong công tác kiểm soát giá thành. -Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và nghị quyết của ĐHĐCĐ. -Thực hiện các công việc khác do HĐQT công ty giao. 	Thành viên HĐQT; Tổng Giám đốc
04	Ông Mai Nam Dương	<ul style="list-style-type: none"> -Trực tiếp phụ trách công tác lao động tiền lương của công ty; -Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và nghị quyết của ĐHĐCĐ. -Thực hiện các công việc khác do HĐQT công ty giao. 	Thành viên HĐQT
05	Ông Bùi Trung Trực	<ul style="list-style-type: none"> -Trực tiếp phụ trách công tác cơ giới của công ty; -Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và nghị quyết của ĐHĐCĐ. -Thực hiện các công việc khác do HĐQT công ty giao. 	Thành viên HĐQT

2- Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2020

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	Số: 01-2020/NQ/HĐQT	30/01/2020	<p>Điều I: Hội đồng quản trị thống nhất với tỷ lệ 5/5 về việc thông qua báo cáo quyết toán tài chính quý 4 và lũy kế năm 2019 của riêng Công ty mẹ và quyết toán tài chính quý 4 và lũy kế năm 2019 hợp nhất như đã lập.</p> <p>Điều II: HĐQT thống nhất với tỷ lệ 5/5 triệu</p>

			<p>tập Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 20 năm 2020 và thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2019 bằng tiền mặt với nội dung như sau:</p> <p>2.1- Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền: 21/03/2020</p> <p>2.2- Tỷ lệ thanh toán cổ tức đợt 2: 20%/cổ phần (một cổ phần được nhận 2.000, đồng).</p> <p>2.3- Ngày thanh toán cổ tức: Ngày 29/04/2020</p> <p>2.4- Ngày tổ chức ĐHĐCĐ: Ngày 26/04/2020</p> <p>Điều III: Các Ông (bà) Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các Phòng ban trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>																		
02	Số: 02-2020/NQ/HĐQT	12/02/2020	<p>Điều 1: Điều chỉnh ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 20 năm 2020 và thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2020: Ngày 20/3/2020.</p> <p>Điều 2: Các Ông (Bà) thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các Phòng ban trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>																		
03	Số: 03-2020/NQ/HĐQT	06/04/2020	<p>Điều 1: Hội đồng quản trị thống nhất thông qua một số nội dung chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 20 năm 2020:</p> <p>1.1- Báo cáo công tác quản trị Công ty năm 2019 của HĐQT trước ĐHĐCĐ</p> <p>1.2- Thông qua dự thảo Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội để trình ĐHĐCĐ</p> <p>1.3- Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 để trình ĐHĐCĐ:</p> <p>1.3.1- Công ty mẹ</p> <table border="0"> <tr> <td>- Doanh thu thuần:</td> <td>200 tỷ đồng</td> </tr> <tr> <td>- Lợi nhuận sau thuế:</td> <td>25 tỷ đồng</td> </tr> <tr> <td>- Cổ tức chia cho cổ đông:</td> <td>30%÷50%</td> </tr> <tr> <td>- Đầu tư mua sắm TSCĐ:</td> <td>10÷15 tỷ đồng</td> </tr> <tr> <td>- Khấu hao TSCĐ:</td> <td>10÷12 tỷ đồng</td> </tr> <tr> <td>- Đầu tư tài chính, liên kết:</td> <td>Tốt đa 150 tỷ đồng</td> </tr> </table> <p>2.3.2. Hợp nhất</p> <table border="0"> <tr> <td>- Doanh thu thuần:</td> <td>900 tỷ đồng</td> </tr> <tr> <td>- Lợi nhuận sau thuế:</td> <td>75 tỷ đồng</td> </tr> <tr> <td>- Cổ tức chia cho cổ đông:</td> <td>30%÷50%</td> </tr> </table> <p>2.4) Thống nhất nội dung các Tờ trình khác để trình ĐHĐCĐ.</p> <p>Điều 3: Các Ông (Bà) thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các Phòng ban trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi</p>	- Doanh thu thuần:	200 tỷ đồng	- Lợi nhuận sau thuế:	25 tỷ đồng	- Cổ tức chia cho cổ đông:	30%÷50%	- Đầu tư mua sắm TSCĐ:	10÷15 tỷ đồng	- Khấu hao TSCĐ:	10÷12 tỷ đồng	- Đầu tư tài chính, liên kết:	Tốt đa 150 tỷ đồng	- Doanh thu thuần:	900 tỷ đồng	- Lợi nhuận sau thuế:	75 tỷ đồng	- Cổ tức chia cho cổ đông:	30%÷50%
- Doanh thu thuần:	200 tỷ đồng																				
- Lợi nhuận sau thuế:	25 tỷ đồng																				
- Cổ tức chia cho cổ đông:	30%÷50%																				
- Đầu tư mua sắm TSCĐ:	10÷15 tỷ đồng																				
- Khấu hao TSCĐ:	10÷12 tỷ đồng																				
- Đầu tư tài chính, liên kết:	Tốt đa 150 tỷ đồng																				
- Doanh thu thuần:	900 tỷ đồng																				
- Lợi nhuận sau thuế:	75 tỷ đồng																				
- Cổ tức chia cho cổ đông:	30%÷50%																				

04	Số: 04/NQ/HĐQT	15/05/2020	<p>hành Nghị quyết này.</p> <p>Điều 1: Lấy ý kiến cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng bằng văn bản để thông qua các nội dung chính như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản: 08/06/2020 - Thời gian tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: dự kiến tháng 06/2020 - Địa điểm lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Trụ sở chính Công ty, số 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng - Nội dung lấy ý kiến: Thông qua việc phát hành cổ phiếu để tang vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2020. <p>Điều 2: Tờ trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về Phương án phát hành cổ phiếu để tang vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.</p> <p>Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Trưởng phòng/đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết này.</p>
05	Số: 05/NQ/HĐQT	30/06/2020	<p>Điều 1: Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2020. Hội đồng quản trị thống nhất Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, đại diện pháp luật thôi kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc kể từ ngày 01/07/2020.</p> <p>Điều 2: HĐQT thống nhất bổ nhiệm Ông Lê Văn Quý (lý lịch trích ngang kèm theo) hiện giữ chức vụ: Phó tổng giám đốc, đại diện pháp luật Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng giữ chức vụ Tổng giám đốc, đại diện pháp luật Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.</p> <p>Thời gian: Kể từ ngày 01/07/2020 cho đến khi có Quyết định khác của HĐQT.</p> <p>+ Ông Lê Văn Quý có nhiệm vụ nhận bàn giao các công việc từ Ông Lê Đình Hiến và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc tổ chức và triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của</p>

06	Số: 06/NQ/HĐQT	03/7/2020	<p>Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>+ Ông Lê Văn Quý được hưởng mức thu nhập: 40.000.000 đồng/tháng; mức lương tham gia BHXH: Bạc 1/5, hệ số lương 3.17, hệ số phụ cấp 0.3, mức lương: 13.602.400 đ theo hệ thống thang bảng lương Công ty ban hành ngày 01/01/2020.</p> <p>+ Tiền thưởng: (nếu có) và do HĐQT quyết định hàng năm.</p> <p>Điều 3: Thay đổi chức danh của Ông Lê Văn Quý trên giấy phép đăng ký kinh doanh.</p> <p>Điều 4: Thừa ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2020. Hội đồng quản trị thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt nam là Công ty kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2020.</p> <p>Điều 5: Các Ông (Bà) thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các Phòng ban trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p> <p>Điều 1: HĐQT đã xem xét các hồ sơ chuẩn bị cho việc phát hành tang vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Sau khi thảo luận, HĐQT nhất trí ban hành Nghị quyết thông qua nội dung hồ sơ phát hành như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo phát hành cổ phiếu tang vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; - Quyết định của ĐHCĐ thông qua phương án phát hành cổ phiếu tang vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu; - Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 được kiểm toán, Báo cáo tài chính riêng năm 2019 được kiểm toán; Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2020; Báo cáo tài chính riêng quý 1/2020. - Và các văn bản tài liệu có liên quan khác thuộc hồ sơ xin phép phát hành cổ phiếu tang vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu nộp Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước. <p>Điều 2: HĐQT giao Tổng giám đốc Công ty triển khai thực hiện phương án phát hành, cụ</p>
----	----------------	-----------	--

07	Số: 07/NQ/HĐQT	30/10/2020	<p>thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành các thủ tục nộp Hồ sơ xin phép phát hành cổ phiếu tang vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu đến UBCK Nhà nước và Giải trình các vấn đề liên quan (khi có yêu cầu); - Chuẩn bị và trình HĐQT phê duyệt các hồ sơ liên quan đến việc Đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam (VSD) và Niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) sau khi việc phát hành được UBCK Nhà Nước chấp thuận; - Tiến hành các thủ tục Công bố thông tin theo đúng qui định của pháp luật; - Phối hợp với đơn vị Tư vấn – CTCP Chứng khoán FPT – CN TP.HCM để thực hiện các công việc có liên quan theo đúng các quy định của Công ty và Pháp luật. <p>Điều 3: Các Ông, Bà thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p> <p>Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.</p> <p>Điều 1: HĐQT thống nhất với tỷ lệ 5/5 về việc thông qua Báo cáo tài chính quý 3 năm 2020 và lũy kế 9 tháng năm 2020 của riêng Công ty mẹ và hợp nhất như đã lập. Cụ thể các chỉ tiêu chính như sau:</p> <p>1.1) Báo cáo tài chính riêng công ty mẹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Doanh thu thuần quý 3: 43.466.959.560 đ + Lợi nhuận sau thuế quý 3: 2.544.054.531 đ + Doanh thu thuần 9 tháng: 110.784.281.166 đ + Lợi nhuận sau thuế 9 tháng: 18.822.679.617 đ <p>1.2) Báo cáo tài chính hợp nhất:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Doanh thu thuần quý 3: 164.844.939.784 đ + Lợi nhuận sau thuế quý 3: 19.189.502.575 đ + Doanh thu thuần 9 tháng: 567.914.910.370 đ + Lợi nhuận sau thuế 9 tháng: 65.890.979.950 đ <p>Điều 2: HĐQT thống nhất với tỷ lệ về việc</p>
----	----------------	------------	---

			<p>tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền mặt với nội dung cụ thể như sau:</p> <p>2.1- Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền: 19/11/2020</p> <p>2.2- Tỷ lệ tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020: 15%/cổ phiếu (một cổ phiếu được nhận 1.500 đồng)</p> <p>2.3- Ngày thanh toán: Ngày 04/12/2020.</p> <p>Điều 3: Các Ông, Bà thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>
--	--	--	---

3- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Ngày 26/4/2020 Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 20 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua:

- Thông qua kết quả SX-KD năm 2019 và phê chuẩn kế hoạch Sản xuất – kinh doanh năm 2020.
- Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2019.
- Thông qua quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 và phê chuẩn phương án thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020.
- Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 để Hội đồng quản trị lựa chọn.
- Thông qua việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc điều hành.
- Thông qua chủ trương tái cơ cấu công ty.

4- Lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng Văn bản: Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

II- Thù lao Hội đồng quản trị

Tổng mức thù lao Hội đồng quản trị năm 2020 đã chi theo điều 4 Nghị quyết Đại hội cổ đông lần thứ 20 ngày 26/4/2020 là: 672.000.000, đồng.

- 1- Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT: 420.000.000, đồng (6 tháng đầu năm: 10.000.000, đồng/tháng; 6 tháng cuối năm: 60.000.000, đồng/tháng)
- 2- Ông Hầu Văn Tuấn – Phó Chủ tịch HĐQT: 72.000.000, đồng
- 3- Ông Lê Văn Quý – Thành viên HĐQT: 60.000.000, đồng
- 4- Ông Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT: 60.000.000, đồng
- 5- Ông Bùi Trung Trực – Thành viên HĐQT: 60.000.000, đồng

III- Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty và công ty con

- 1- Giao dịch với Công ty cổ phần Khoáng sản và vật liệu xây dựng Lâm Đồng:
 - Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ: 809.998.791 đồng
 - Mua hàng hóa và dịch vụ: 14.054.605.953 đồng

2- Giao dịch với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40:

- Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ: 13.906.000.000 đồng
- Mua hàng hóa và dịch vụ: 27.625.895.315 đồng.

3- Giao dịch với Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắc Nông:

- Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ: 1.000.000.000 đồng
- Mua hàng hóa và dịch vụ: 90.000.000 đồng.

4- Nhận cổ tức:

- Nhận cổ tức từ Công ty cổ phần Khoáng sản và vật liệu xây dựng Lâm Đồng: 16.225.215.000 đồng

- Nhận cổ tức từ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40: 1.468.800.000, đồng

IV- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong nhiệm kỳ Hội đồng quản trị 2016 – 2020 không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

V- Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc

1- Công tác tổ chức – quản lý:

Bộ máy tổ chức Công ty như sau:

- Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020 Ban Tổng giám đốc điều hành: 03 thành viên, Tổng giám đốc và 02 Phó Tổng giám đốc.

- Từ ngày 01/7/2020 đến ngày 31/12/2020 Ban Tổng giám đốc điều hành: 02 thành viên, Tổng giám đốc và 01 Phó Tổng giám đốc.

- Phòng nghiệp vụ: Gồm 03 phòng – Phòng Tổ chức hành chính; Phòng kế toán tài vụ, phòng kế hoạch kỹ thuật.

- Các công trường trực thuộc Công ty.

- Công ty con trực tiếp:

+ Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng (LBM) do LHC nắm giữ 64,9% cổ phiếu đang lưu hành.

+ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 do LHC nắm giữ 51% cổ phiếu đang lưu hành.

- Công ty con gián tiếp:

+ Công ty TNHH Một thành viên Hiệp Thịnh Phát do LBM nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành do LBM nắm giữ 91,72% cổ phiếu đang lưu hành.

+ Công ty TNHH Một thành viên Bê tông LBM Đắc Nông do LBM nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2- Lao động – tiền lương:

- Ngày 01/01/2020: 61 lao động dài hạn

- Ngày 31/12/2020: 58 lao động dài hạn.

- Lương bình quân của người lao động năm 2018: 7.600.000, đồng/người/tháng.

- Lương bình quân của người lao động năm 2019: 8.100.000, đồng/người/tháng.

- Lương bình quân của người lao động năm 2020: 9.000.000, đồng/người/tháng.

3- Đầu tư và thanh lý tài sản cố định

- Đầu tư, mua sắm (giá trị trước thuế GTGT): 5.278.268.182 đồng

STT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Giá trị (đồng) (nguyên giá)
I	Máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất			5.278.268.182
01	Xe tải ben Hyundai 49C 22044 (15 tấn)	Cái	01	1.602.681.818
02	Xe tải ben Hyundai 49C 22096 (15 tấn)	Cái	01	1.602.681.818
03	Đảm tĩnh MICHIGAN	chiếc	01	213.636.364
04	Đảm tĩnh MICHIGAN	chiếc	01	213.636.364
05	Xe MERCEDES – BENS 49A34875	chiếc	01	1.645.631.818
	Trong đó: Nguồn vốn đầu tư			
	Vốn khấu hao cơ bản của Công ty			5.278.268.182
	Vốn thanh lý TSCĐ			0

- Tài sản cố định bán, thanh lý:

STT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Giá trị (đồng) (nguyên giá)
01	Xe tải ben Hyundai 49X 4411 (15 tấn)	chiếc	01	1.399.942.571
02	Xe tải ben Hyundai 49X 4786 (15 tấn)	chiếc	01	1.444.917.762
03	Xe tải ben Hyundai 49X 4774 (15 tấn)	chiếc	01	1.444.917.762
04	Xe tải ben Hyundai 49X 4705 (15 tấn)	chiếc	01	1.442.168.781
05	Bồn trộn bê tông 2 m3	Cái	01	130.000.000
06	Máy đầm rung SAKAI	Cái	01	1.043.364.286
07	Máy đầm dãn MIKASA MT72	Cái	01	33.000.000
	Tổng cộng			6.938.311.162

+ **Trích khấu hao TSCĐ** 6.482.010.176 đồng

+ **Số dư cuối kỳ:**

- Nguyên giá: 95.264.450.731 đồng

- Khấu hai cơ bản: 82.975.447.049 đồng

- Giá trị còn lại: 12.289.003.682 đồng

Các khoản mua, bán Tài sản cố định trên đều thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

4) Kết quả sản xuất – kinh doanh năm 2020:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		2019	2020	2019	2020
01	Doanh thu thuần	102.606	144.471	753.545	866.888
02	Giá vốn hàng bán	92.237	122.034	603.335	680.742
03	Lợi nhuận gộp	10.369	22.436	150.209	186.145
04	Doanh thu hoạt động tài chính	17.765	18.762	2.026	2.808
05	Chi phí tài chính	262	124	405	283
05	Chi phí bán hàng			4.084	2.338

07	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.506	8.252	64.836	76.523
08	Lợi nhuận thuần từ SXKD	20.364	32.822	82.912	109.808
09	Thu nhập khác	15.350	2.019	18.948	2.336
10	Chi phí khác	1.077	267	2.921	1.495
11	Lợi nhuận khác	14.273	1.752	16.026	841
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.638	34.574	98.938	110.649
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.620	2.409	20.378	19.641
14	Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(339)	320
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN	31.017	32.165	78.900	90.687
16	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			27.056	29.268
17	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			51.843	61.419
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) (đồng)			7.097	8.476

5) Quyết toán lương gián tiếp:

+ Doanh thu thuần: 144.471.597.026 đồng

+ Doanh thu tài chính: 18.761.969.973 đồng

Cộng 163.233.566.999 đồng

Cộng doanh thu tính lương gián tiếp 163.233.566.999 đồng

+ Quỹ lương đã trích: 3.780.000.000 đồng

(Quỹ lương đã trích chiếm 2,31% / Doanh thu)

+ Quỹ lương năm 2019 chuyển sang 2020: 0 đồng

+ Chi trong năm 2020: 3.780.000.000 đồng; trong đó:

- Ban điều hành: 1.860.000.000 đồng

- Văn phòng Công ty: 1.140.000.000 đồng

- Thù lao HĐQT và BKS: 780.000.000 đồng

+ Quỹ lương năm 2020 còn tồn: 0 đồng

+ Ngoài quỹ lương gián tiếp đã quyết toán, trong năm 2020 thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông lần thứ 20 ngày 26/4/2020 Ban điều hành được thưởng 2% tổng lợi nhuận hợp nhất trước thuế. Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc thưởng 1% bằng hiện vật là Xe MERCEDES – BENS 49A34875, giá trị xe vượt 1% tiền thưởng đã nộp vào công ty.

- Ban điều hành còn lại và cán bộ có thành tích xuất sắc thưởng 1% bằng cách chi lương bổ sung.

6- Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Năm 2019 chi phí quản lý doanh nghiệp là 7.506.640.507 đồng chiếm 6,23% / tổng doanh thu.

Năm 2020 chi phí quản lý doanh nghiệp là 8.252.764.642 đồng chiếm 5,71% / tổng doanh thu.

7- Thuế: Cục thuế tỉnh Lâm Đồng đã kiểm tra quyết toán thuế đến hết năm 2019. Hàng năm Công ty tự kê khai và tự nộp thuế đúng qui định, không nợ đọng thuế.

VI- Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư của năm tài chính 2021

ĐVT: tỷ đồng

STT	Diễn giải	KH 2020 Cty mẹ	TH 2020 Cty mẹ	KH 2020 Hợp nhất	TH 2020 Hợp nhất	KH 2021 Cty mẹ	KH 2021 Hợp nhất
1	Doanh thu thuần	200	144,4	900	866,8	180	900
2	Lợi nhuận sau thuế	25	32	75	90	28	80
3	Cổ tức	30+50%	40%	30+50%	40%	30+50%	30+50%
4	Đầu tư TSCĐ	10+15	5,3			7+10	
5	Khấu hao TSCĐ	10+12	6,9			7+10	
6	Đầu tư vào Cty con	tối đa 150	145			145	

VII- Kế hoạch dài hạn khác

Để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh chính vào Thành phố Hồ Chí Minh, vùng phụ cận và miền tây Nam bộ, định hướng Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng sẽ sáp nhập với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 nhằm tăng nguồn vốn chủ sở hữu, tăng quy mô, kinh nghiệm, ngành nghề. Trụ sở chính của Công ty sau sáp nhập sẽ đóng tại Thành phố Hồ Chí Minh, tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đặt Trụ sở Chi nhánh công ty.

Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường trong quý 3 năm 2021 để bàn về phương án sáp nhập giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng và Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 hoặc chia thưởng cổ phiếu (hiện công ty đã ký hợp đồng với đơn vị thẩm định giá và đơn vị tư vấn sáp nhập).

VIII- Thông tin về cổ đông và cơ cấu cổ đông (Ngày đăng ký cuối cùng 26/3/2021)

1- Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
I	Cổ đông trong nước	213	5.629.634	78,19%
1	Cổ đông nhà nước			
2	Cổ đông tổ chức	2	48	0%
3	Cổ đông cá nhân	211	5.629.586	78,19%
II	Cổ đông nước ngoài	25	1.570.366	21,81%
1	Tổ chức	6	466.500	6,48%
2	Cá nhân	19	1.103.866	15,33%
	Tổng cộng	238	7.200.000	100%

2- Danh sách cổ đông lớn

STT	Tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng CP đang nắm giữ	Tỷ lệ

1	Nguyễn Thị Mai Lan	020039794	52 Xuân Thủy, P. Thảo Điền, quận 2, TP HCM	661.400	9,18%
2	Lê Đình Hiến	250412901	70 Paster, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	536.000	7,44%
3	Trần Thị Bưởi	150982044	58 Tổ 10 KP 12, An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	360.200	5,00%
4	SHIH KUAN TUNG	IA2860	NO.81, Mincyuan RD, Sinshih Township, Tainan County 744, TAIWAN R.O.C	982.200	13,64%
Tổng cộng				2.539.800	35,27%

IX- Đánh giá chung:

Năm 2020 mặt dù tình hình dịch bệnh COVID 19 diễn ra phức tạp, nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng gặp rất nhiều khó khăn. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành đã có rất nhiều nỗ lực, để mang đến kết quả kinh doanh tốt nhất cho Công ty và cổ đông. Trong năm 2020 đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ Công ty từ 36 tỷ đồng lên 72 tỷ đồng, chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt 40%, đưa Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 lên sàn HNX (MCK: L40). Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của quý vị cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông kỳ này để Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2021 – 2025 quản trị, điều hành vì mục tiêu phát triển bền vững của Công ty, lợi ích của cổ đông và của Công ty.

Xin chân thành cảm ơn.

Đà Lạt, ngày 03 tháng 04 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Lê Đình Hiến

BẢNG PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH NHIỆM KỲ 2016 - 2020

SỐ TT	NỘI DUNG	Năm 2016 tại 01/01/2016	Năm 2017 tại 01/01/2017	Năm 2018 tại 01/01/2018	Năm 2019 tại 01/01/2019	Năm 2020 tại 01/01/2020	Năm 2021 tại 01/01/2021	Ghi chú
A	CÔNG TY MẸ							
I	VỐN CHỦ SỞ HỮU	127.024.365.767	135.236.829.333	130.241.585.602	141.179.837.041	161.142.080.115	174.989.454.970	
	VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	36.000.000.000	36.000.000.000	36.000.000.000	36.000.000.000	36.000.000.000	72.000.000.000	
1	Đầu tư vào Công ty con	67.943.237.500	71.614.337.500	101.004.591.500	101.004.591.500	145.115.896.500	145.115.896.500	
2	Vốn chủ sở hữu còn lại tại Công ty mẹ	59.081.128.267	63.622.491.833	29.236.994.102	40.175.245.541	16.026.183.615	29.873.558.470	
2.1	<i>Giá trị còn lại của TSCĐ</i>	<i>31.940.769.839</i>	<i>29.314.349.998</i>	<i>24.106.743.236</i>	<i>16.981.236.146</i>	<i>13.492.745.679</i>	<i>12.289.003.685</i>	
2.2	<i>Vốn lưu động</i>	<i>27.140.358.428</i>	<i>34.308.141.835</i>	<i>5.130.250.866</i>	<i>23.194.009.395</i>	<i>2.533.437.936</i>	<i>17.584.554.785</i>	
B	HỢP NHẤT							
	VỐN CHỦ SỞ HỮU	249.944.814.777	289.402.587.868	322.332.487.983	364.382.781.199	417.625.552.633	474.778.384.192	
1	Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ	161.965.840.225	183.593.344.308	193.140.104.931	220.144.681.248	258.568.714.566	304.212.638.320	
2	Đầu tư vào Công ty con	67.943.237.500	71.614.337.500	101.004.591.500	101.004.591.500	145.115.896.500	145.115.896.500	
3	Vốn chủ sở hữu còn lại tại Công ty mẹ	59.081.128.267	63.622.491.833	29.236.994.102	40.175.245.541	16.026.183.615	29.873.558.470	
4	Vốn chủ sở hữu còn ở công ty con	34.941.474.458	48.356.514.975	62.898.519.329	78.964.844.207	97.426.634.451	129.223.183.350	
5	Tổng tài sản	383.525.442.836	419.620.364.990	538.977.665.284	551.165.759.929	638.297.553.278	733.550.458.879	
II	KẾT QUẢ KINH DOANH							
A	CÔNG TY MẸ							
1	Doanh thu	104.081.313.306	265.722.763.271	279.433.883.002	102.605.916.647	144.471.597.026		
2	Lợi nhuận trước thuế	13.070.890.149	12.428.436.102	25.551.649.591	34.638.476.683	34.574.566.398		
3	Lợi nhuận sau thuế	11.812.463.566	11.317.219.835	23.755.471.274	31.017.714.348	32.165.089.203		
3.1	Cổ tức nhận từ công ty con	6.946.140.982	7.312.379.000	16.900.758.000	16.864.665.000	17.694.015.000		
3.2	Lợi nhuận của công ty mẹ	4.866.322.584	4.004.840.835	6.854.713.274	14.153.049.348	14.471.074.203		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÙY LỢI LÂM ĐỒNG

Trụ sở chính: Số 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 0263.3821854 Fax: 0263.3832542 Email: xdthuyloild@vnn.vn

Đà Lạt, ngày 05 tháng 04 năm 2021.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: **Quý cổ đông Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm đồng.**

Thực hiện nhiệm vụ, chức năng của Ban kiểm soát (BKS) theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. BKS xin báo cáo tình hình kết quả hoạt động kiểm soát trong năm 2020 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Năm 2020 BKS có 03 thành viên, trong năm BKS đã thực hiện các công việc sau:

- Tổ chức họp BKS định kỳ hai lần/năm để triển khai các công việc theo nhiệm vụ chức năng được giao.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT).
- Kiểm tra và giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2020.
- Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành; giám sát việc tuân thủ Điều lệ, quy chế quản lý tài chính và các quy định khác của công ty.
- Giám sát việc sử dụng vốn, cân đối vốn và quản lý dòng tiền; phân phối lợi nhuận.
- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Xem xét các báo cáo tài chính; báo cáo thường niên tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và chương trình kế hoạch của Công ty theo định kỳ.
- Xem xét các báo cáo của đơn vị kiểm toán.

2. Lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

Lương, thù lao và chi phí hoạt động năm 2020 của từng thành viên Ban kiểm soát được chi trả tuân thủ theo quy định của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Tổng thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2020 là 108.000.000 đồng.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CÔNG TY

Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, BKS thẩm định và có những nhận xét như sau:

- Báo cáo tài chính của Công ty phải ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty và được trình bày theo quy định của pháp luật, chuẩn mực kế toán, chế độ tài chính Việt Nam và được kiểm toán theo đúng quy định hiện hành.

- Hệ thống sổ sách kế toán của Công ty là rõ ràng và đáng tin cậy. Các số liệu kế toán trong báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực tình hình tài chính, các giá trị đầu tư và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm.

BKS thống nhất với số liệu trên BCTC đã được kiểm toán, qua đó ghi nhận một số chỉ tiêu chính của niên độ kế toán 2020 như sau:

1. Kết quả kinh doanh

ĐVT: tỷ đồng

STT	Diễn giải	Kế hoạch 2020 Công ty mẹ (tỷ)	Thực hiện 2020 Công ty mẹ (tỷ)	Tỉ lệ thực hiện (%)	Kế hoạch hợp nhất năm 2020	Thực hiện 2020 Hợp nhất (tỷ)	Tỉ lệ thực hiện (%)
1	Doanh thu thuần	200	144.4	72.2	900	866.8	96.3
2	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	25	32.1	128.4	75	90.6	120.8

2. Các chỉ số tài chính cơ bản

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	2020
1	Cơ cấu tài sản		
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	54
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	46
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	35
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	55
	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	65
3	Khả năng sinh lời		
	Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	%	13
	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	12
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	19
4	Tỷ lệ tăng trưởng tài chính		
	Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu	%	14
	Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (EPS)	Đồng	8.476
	Vốn chủ sở hữu	%	14
	Tiền mặt	%	33
5	Tỷ lệ Thu Nhập		
	Cổ tức tiền mặt	%	40
	Thưởng bằng cổ phiếu	%	100

3. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020 như sau:

STT	Nội dung	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Vốn góp của chủ sở hữu	72.000.000.000	72.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	21.052.708.180	21.052.708.180
3	Quỹ đầu tư phát triển	60.571.657.587	154.643.934.596
4	Lợi nhuận chưa phân phối	21.365.089.203	56.515.995.544
5	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		170.565.745.872
	Tổng cộng vốn chủ sở hữu	174.989.454.970	474.778.384.192

4. Hoạt động đầu tư vào công ty con

STT	Tên Công ty con	Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2020 (tỷ)	Tỷ lệ góp vốn (%)				Năm 2020	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ (%)
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019		
I	Công ty con trực tiếp							
1	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng	100	56.16	59.07	59.07	64.9	64.9	64.9
2	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40	36	51	51	51	51	51	51
II	Công ty con gián tiếp do LBM nắm giữ							
1	Công ty TNHH gạch Hiệp Thành	12.6	60.02	80.48	80.72	80.72	91.72	59.52
2	Công ty TNHH Một thành viên Hiệp Thịnh Phát	5	100	100	100	100	100	64.9
3	Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắk Nông	7		100	100	100	100	64.9

Cổ tức nhận từ công ty con năm 2020 như sau:

- Công ty Cổ phần Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng là 16.225.215.000 đồng.
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 là 1.468.800.000 đồng.

5. Về công tác tài chính kế toán và kiểm soát

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam đã được HĐQT lựa chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty phù hợp với

Nghị quyết của ĐHĐCĐ ngày 26/04/2020. BKS đã thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty. Qua thẩm định, BKS thống nhất kết quả báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty, báo cáo tài chính năm 2020 được trình bày trung thực, hợp lý, phù hợp các quy định hiện hành.

Qua báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, BKS không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính phản ánh đầy đủ và rõ ràng, tình hình tài chính của Công ty lành mạnh. BKS thống nhất với báo cáo của HĐQT về công tác quản trị Công ty năm 2020.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ NĂM 2020.

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- HĐQT Công ty có 05 thành viên. HĐQT tổ chức họp định kỳ hàng quý và họp bất thường khi cần thiết do chủ tịch HĐQT chủ trì.

- HĐQT đã thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của ĐHĐCĐ. Các nghị quyết của HĐQT ban hành phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Thực hiện đúng chế độ công bố thông tin theo quy định Luật chứng khoán.

- HĐQT Công ty đã chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ tốt cho Ban Tổng Giám đốc điều hành công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Năm 2020 dưới sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý của Công ty, Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận do ĐHĐCĐ năm 2020 đề ra. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động đưa ra các giải pháp và đề xuất với HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

- Hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và BKS Công ty được quy định theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Mọi quan hệ phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và BKS là phối hợp theo chức năng nhiệm vụ.

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã hỗ trợ để Ban Kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ thông qua việc cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu về hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty và các Công ty con, các nghị quyết của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Các ý kiến của Ban Kiểm soát luôn được Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phản hồi đầy đủ và kịp thời.

- Trong năm 2020 BKS luôn lắng nghe và phản hồi kịp thời những thắc mắc của cổ đông liên quan đến hoạt động của Công ty. BKS không nhận được bất kỳ ý kiến nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

V. KIẾN NGHỊ

1. Đối với công ty:

kiEŞnnao của co dong ve sai phc;tmcua HÉ)QT, Ban Tong Giam d6c va can bo quan ly
Cong ty trong qua trinh thi,l'Chi~n nhi~m vi,l. V. KII:N NGH!

1. D6i v6'i eong ty:

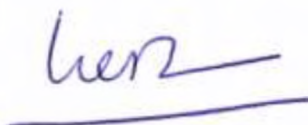
Hội đồng Quản trị và Ban điều hành công ty cần có các giải pháp hữu hiệu về truyền thông để nhà đầu tư nắm bắt được hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư hiệu quả, tình hình tài chính lành mạnh của Công ty nhằm tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu của Công ty, nâng vốn hóa thị trường của doanh nghiệp, đảm bảo lợi ích của cổ đông vì lợi ích của cổ đông ngoài phần cổ tức được nhận hàng năm thì còn có phần gia tăng giá trị cổ phiếu.

2. Đối với cổ đông:

Ban kiểm soát rất mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ từ toàn thể Quý cổ đông để Công ty tiếp tục duy trì sự ổn định và tăng trưởng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình kiểm soát các hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm đồng năm 2020. Ban kiểm soát xin báo cáo ĐHĐCĐ.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỜNG BAN**



Nguyễn Thị Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Trụ sở: Số 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Điện thoại: 0263.3821854 Fax: 0263.3832542 Email: xdthuyloild@vnn.vn

Đà Lạt, ngày 05 tháng 04 năm 2021.

BÁO CÁO TỔNG KẾT NHIỆM KỲ 2016-2020 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm đồng.

Thực hiện nhiệm vụ, chức năng của Ban kiểm soát (BKS) theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm đồng tổng kết nhiệm kỳ 2016-2020 của Ban kiểm soát theo nội dung cụ thể như sau:

I. TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Nhân sự của Ban kiểm soát:

Nhân sự của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2020 gồm có 03 thành viên:

- Bà Nguyễn Thị Liên Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Tô Văn An Thành viên Ban kiểm soát
- Bà Phạm Thị Tâm Thành viên Ban kiểm soát

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong nhiệm kỳ, Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao. Cụ thể là theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị, điều hành và các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát đã thực hiện với tinh thần trách nhiệm, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Ban, cử đại diện tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), xây dựng kế hoạch hoạt động.

BKS luôn giữ mối quan hệ làm việc đầy đủ, thường xuyên với HĐQT và Ban điều hành Công ty trong hoạt động kinh doanh, giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban điều hành để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng Pháp luật.

Các công việc của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2020 tham gia như sau:

- Tham gia Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên của công ty;
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- Kiểm tra và giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường;
- Tham gia ý kiến xây dựng Điều lệ, quy chế quản lý hoạt động của Công ty;
- Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành; giám sát việc tuân thủ Điều lệ, quy chế quản lý tài chính và các quy định khác của công ty;
- Giám sát việc sử dụng vốn, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, phân phối lợi nhuận...;

- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan;
- Xem xét các báo cáo tài chính, báo cáo thường niên tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và chương trình kế hoạch của Công ty theo định kỳ;
- Xem xét các báo cáo của đơn vị kiểm toán;
- Tổ chức họp BKS định kỳ hai lần/năm và họp đột xuất theo yêu cầu công việc để triển khai các công việc theo nhiệm vụ chức năng được giao;
- Các công việc khác theo chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

3. Lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

Lương, thù lao và chi phí hoạt động nhiệm kỳ 2016-2020 của Ban kiểm soát được chi trả tuân thủ theo quy định của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

II. ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ:

1. Đánh giá của Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT trong nhiệm kỳ:

- Công tác quản trị được thực hiện theo đúng pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quy định đối với hoạt động của công ty niêm yết;
- Hoạt động quản trị đảm bảo tính công khai và minh bạch;
- HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ theo đúng quy định. Nội dung các cuộc họp đều được ghi trong biên bản và ban hành thành Nghị quyết để Ban điều hành thực hiện;
- Trong nhiệm kỳ này, HĐQT đã trình Đại hội đồng cổ đông sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, ban hành quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế quản lý tài chính,... các văn bản, Nghị quyết, quyết định tạo cơ sở cho việc quản trị đồng bộ, đúng quy định của pháp luật.

2. Đánh giá của Ban kiểm soát đối với việc triển khai thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT của Ban điều hành:

- Ban điều hành đã thực hiện nhiều giải pháp tăng cường công tác quản lý tài chính, kiểm soát các khoản chi phí, công nợ khách hàng, quản lý công tác nghiệp vụ, thực hiện tốt nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HĐQT đã đề ra;
- Chủ động triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, với cổ đông và người lao động;
- Tổ chức hội nghị tổng kết hàng năm nhằm đánh giá đầy đủ các hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời chỉ rõ những mặt hạn chế và tồn tại. Kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình điều hành và khắc phục, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020:

Giai đoạn 2016-2020 Công ty có bước tăng trưởng mạnh mẽ về cả doanh thu lẫn lợi nhuận, thể hiện qua bảng số liệu sau:

STT	Diễn giải	Công ty mẹ				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Doanh thu thuần	104	265,7	279.4	102.6	144.4
2	Lợi nhuận sau thuế	11.8	11.3	23.7	31	32.1

STT	Diễn giải	Hợp nhất				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Doanh thu thuần	494	713,6	885,9	757.6	866.8
2	Lợi nhuận sau thuế	26.7	30.3	39.3	51.4	90.6

4. Những kiến nghị HĐQT và Ban điều hành tiếp tục xử lý trong nhiệm kỳ tới:

Kiến nghị lãnh đạo Công ty chú trọng đến công tác tuyển dụng, đào tạo nhân sự kế tục đáp ứng được yêu cầu chuyên môn trong quá trình ngày càng mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kiến nghị Ban lãnh đạo Công ty chú trọng đến công tác truyền thông, đảm bảo tính thanh khoản của cổ phiếu Công ty, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và vấn đề thanh khoản vốn đối với nhà đầu tư.

Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019 có nêu rõ vấn đề rủi ro trong cơ cấu cổ đông của Công ty, Ban kiểm soát tiếp tục kiến nghị Công ty cần có giải pháp thích ứng nhằm tái cơ cấu cổ đông, tránh các yếu tố rủi ro tiềm ẩn trong cơ cấu cổ đông hiện hữu.

III. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2016-2020

Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

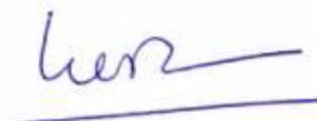
Ban kiểm soát đã làm tròn chức năng, nhiệm vụ mà cổ đông đã tin tưởng giao cho trong việc kiểm soát hoạt động kinh doanh và sử dụng vốn của Công ty một cách có hiệu quả.

Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2020 có sự nỗ lực của mỗi thành viên Ban kiểm soát, bên cạnh sự tin nhiệm của cổ đông, sự hỗ trợ tạo điều kiện để Ban kiểm soát hoạt động từ phía HĐQT, Ban điều hành và toàn thể nhân sự của Công ty.

Thay mặt Ban kiểm soát, tôi xin trân thành cảm ơn sự tin nhiệm, hỗ trợ và tạo điều kiện của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty và toàn thể nhân sự của Công ty trong suốt nhiệm kỳ vừa qua đã giúp Ban kiểm soát hoàn thành tốt công việc của mình.

Trân trọng.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Liên

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐT & XD
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
≡&≡

Số: 15 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
≡&≡

Đà Lạt, ngày 03 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.


Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng năm 2020.

Căn cứ Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng năm 2020 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 21 năm 2021 thông qua nội dung Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam. Báo cáo tài chính năm 2020 (Báo cáo riêng và Báo cáo hợp nhất) đã được công bố theo quy định, đồng thời đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ www.lhc.com.vn.

Bao gồm:

1. Báo cáo của kiểm toán viên.
2. Bảng cân đối kế toán.
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
5. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trân trọng kính trình. 

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Đình Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐT & XD
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
≡&≡

Số: 16 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
≡&≡

Đà Lạt, ngày 03 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng năm 2020.

Căn cứ Báo cáo tài chính Công ty mẹ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng năm 2020 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 21 năm 2021 quyết định các chỉ tiêu sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Diễn giải	Tỷ lệ	Năm 2020
1	Lợi nhuận sau thuế		32.165.089.203
2	Chia cổ tức và trích lập các quỹ		32.165.089.203
	- Chia cổ tức 40%/CP lưu hành	89,5%	28.800.000.000
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,7%	865.089.203
	- Quỹ đầu tư phát triển	7,8%	2.500.000.000

Thời điểm thực hiện: Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua. Giao phòng kế toán - Tài vụ Công ty thực hiện theo Luật kế toán. *lv*

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Đình Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐT & XD
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
≡&≡

Số: 17 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
≡&≡

Đà Lạt, ngày 03 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Kế hoạch sản xuất kinh doanh, chia cổ tức và đầu tư năm 2021

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng năm 2020.

Căn cứ Báo cáo tài chính Công ty mẹ và hợp nhất năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 21 năm 2021 quyết định các chỉ tiêu sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Diễn giải	KH 2020 Cty mẹ	TH 2020 Cty mẹ	KH 2020 hợp nhất	TH 2020 hợp nhất	KH 2021 Cty mẹ	KH 2021 hợp nhất
1	Doanh thu thuần	200	144,4	900	866,8	180	900
2	Lợi nhuận sau thuế	25	32	75	90	28	80
3	Cổ tức	30+50%	40%	30+50%	40%	30+50%	30+50%
4	Đầu tư TSCĐ	10+15	5,3			7+10	
5	Khấu hao TSCĐ	10+12	6,9			7+10	
6	Đầu tư vào công ty con	tối đa 150	145			145	

Thời điểm thực hiện: Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua, giao cho Hội đồng quản trị quyết định tùy thuộc vào tình hình SXKD của năm 2021. *th*

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Đình Hiến

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐT & XD
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
=&=

Số: 18 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
=&=

Đà Lạt, ngày 03 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Ủy quyền Tổng Giám đốc điều hành ký hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan có giá trị dưới 35% tổng tài sản

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng năm 2020;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình:

Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 21 năm 2021 Ủy quyền cho Tổng giám đốc điều hành Công ty ký hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan có giá trị dưới 35% tổng tài sản tính theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm 31/12 hàng năm.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lê Đình Hiến

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐT & XD
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
≡&≡

Số: 19 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
≡&≡

Đà Lạt, ngày 03 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
V/v Lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2021

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình:

Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 21 năm 2021 phê duyệt danh sách các Công ty kiểm toán dự kiến sẽ thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần ĐT & XD Thủy lợi Lâm Đồng như sau.

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam.
2. Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

Các Công ty trên là Công ty kiểm toán được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được lựa chọn Công ty kiểm toán cụ thể trong những Công ty kiểm toán nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Đình Hiến

TỜ TRÌNH

V/v thông qua tổng mức thù lao HĐQT; BKS trong năm 2020 và quyết định mức thù lao HĐQT; BKS trong năm 2021

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH20.

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng năm 2020.

Căn cứ hiệu quả điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm qua và năm tài chính 2020.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình:

1) Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 21 năm 2021 thông qua tổng mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã thanh toán trong năm 2020 như điều 4 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ 20 ngày 26/4/2020 là: **780.000.000 đồng**. Trong đó:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao
01	Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	420.000.000
02	Hầu Văn Tuấn	Phó chủ tịch HĐQT	72.000.000
03	Lê Văn Quý	Thành viên HĐQT	60.000.000
04	Mai Nam Dương	Thành viên HĐQT	60.000.000
05	Bùi Trung Trực	Thành viên HĐQT	60.000.000
06	Nguyễn Thị Liên	Trưởng BKS	60.000.000
07	Tô Văn An	Thành viên BKS	24.000.000
08	Phạm Thị Tâm	Thành viên BKS	24.000.000

Chủ tịch HĐQT: 6 tháng đầu năm kiêm nhiệm Tổng giám đốc hưởng thù lao 10.000.000 đồng/tháng; 6 tháng cuối năm không kiêm nhiệm Tổng giám đốc hưởng thù lao 60.000.000 đồng/tháng.

2) Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 21 năm 2021 quyết định tổng mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2021 như sau:

- + Chủ tịch HĐQT: 60.000.000 đồng/tháng;
- + Phó Chủ tịch HĐQT: 6.000.000 đồng/tháng
- + Thành viên HĐQT và Trưởng BKS: 5.000.000 đồng/tháng

+ Thành viên BKS:

2.000.000 đồng/ tháng.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Đình Hiến

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐT & XD
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

≡&≡

Số: 21/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

≡&≡

Đà Lạt, ngày 03 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v gia hạn chủ trương sáp nhập Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng
Thủy lợi Lâm Đồng và Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng năm 2020

Hội đồng quản trị Công ty kính trình:

Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 21 năm 2021 quyết định

Gia hạn thời gian sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng và Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 trong năm 2021 hoặc 2022. Trụ sở chính Công ty sau khi sáp nhập sẽ đóng tại thành phố Hồ Chí Minh; Tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng sẽ là Chi nhánh Công ty.

Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường trong quý 3 năm 2021 để bàn về phương án sáp nhập giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng và Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 hoặc chia thưởng cổ phiếu (Hiện tại Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 đã niêm yết giao dịch trên HNX. Công ty đã ký hợp đồng với Đơn vị thẩm định giá được Bộ Tài chính công nhận).

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Đình Hiến

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐT & XD
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

≡&≡

Số: 22/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

≡&≡

Đà Lạt, ngày 03 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v Ban hành Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban
kiểm soát**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26/11/2019.

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng năm 2020

Hội đồng quản trị Công ty kính trình:

Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 21 năm 2021 Ban hành:

- 1- Điều lệ Công ty, Bản điều lệ này gồm 21 chương, 59 điều.
- 2- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Bản Quy chế này gồm 14 chương, 74 điều.
- 3- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Bản Quy chế này gồm 8 chương, 27 điều.
- 4- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Bản Quy chế này gồm 7 chương, 22 điều.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Đình Hiến

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 21
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
NĂM 2021**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020.
- Căn cứ vào Điều lệ của Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, ngày 30/6/2020 thông qua.
- Căn cứ vào Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 21, ngày 25 tháng 04 năm 2021.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Thông qua báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán. Bao gồm: Báo cáo của kiểm toán viên; Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh báo cáo tài chính. Cụ thể kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

Kết quả hoạt động SXKD hợp nhất năm 2020	DVT: triệu đồng
- Doanh thu thuần	: 866.888
- Giá vốn hàng bán	: 680.742
- Lợi nhuận gộp	: 186.145
- Doanh thu hoạt động tài chính	: 2.808
- Chi phí tài chính	: 283
- Chi phí bán hàng	: 2.338
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	: 76.523
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:	109.808
- Thu nhập khác	: 2.336
- Chi phí khác	: 1.495
- Lợi nhuận khác	: 841
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	: 110.649
- Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	: 19.641
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	: 320
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	: 90.687

- LNST của cổ đông không kiểm soát	:	29.268
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	:	61.419
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) (đồng)	:	8.476 đồng
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	:	8.476 đồng

Điều 2. Phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ năm 2020

Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020. Cụ thể:

STT	Diễn giải	Tỷ lệ	Năm 2020
1	Lợi nhuận sau thuế		32.165.089.203
2	Chia cổ tức và trích lập các quỹ		32.165.089.203
2.1	Chia cổ tức 40% CP lưu hành	89,5%	28.800.000.000
2.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,7%	865.089.203
2.3	Quỹ đầu tư phát triển	7,8%	2.500.000.000

Điều 3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, chia cổ tức và đầu tư năm 2021

Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, chia cổ tức và đầu tư năm 2021. Cụ thể:

STT	Diễn giải	Kế hoạch năm 2021 riêng công ty mẹ	Kế hoạch năm 2021 hợp nhất
1	Doanh thu thuần	180 tỷ đồng	900 tỷ đồng
2	Lợi nhuận sau thuế	28 tỷ đồng	80 tỷ đồng
3	Cổ tức chia cho cổ đông	30%÷50%	30%÷50%
4	Đầu tư mua sắm TSCĐ	7÷10 tỷ đồng	
5	Khấu hao TSCĐ	7÷10 tỷ đồng	
6	Đầu tư vào công ty con	Tối đa 150 tỷ đồng	

Điều 4. Phê duyệt tổng mức thù lao HĐQT + BKS trong năm 2020 và quyết định mức thù lao HĐQT + BKS trong năm 2021

1. Thông qua tổng mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2020 là: 780.000.000 đồng.

2. Quyết định mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2021 như sau:

- 2.1. Chủ tịch HĐQT: 60.000.000, đồng/tháng;
- 2.2. Phó Chủ tịch HĐQT: 6.000.000, đồng/tháng;
- 2.3. Thành viên HĐQT và Trưởng BKS: 5.000.000, đồng/tháng;
- 2.4. Thành viên BKS: 2.000.000, đồng/tháng

Điều 5. Ủy quyền Tổng Giám đốc điều hành ký hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với

người có liên quan có giá trị dưới 35% tổng tài sản

Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền cho Tổng Giám đốc điều hành Công ty ký hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan có giá trị dưới 35% tổng tài sản tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm 31/12 hàng năm.

Điều 6. Lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2021

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2021. Cụ thể:

Danh sách các Công ty kiểm toán dự kiến sẽ thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng gồm:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam
2. Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán (AASC).

Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán cụ thể trong số các công ty kiểm toán đã nêu trên.

Điều 7. Chủ trương sáp nhập CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (công ty mẹ) và CTCP Đầu tư và Xây dựng 40 (công ty con)

Đại hội đồng cổ đông quyết định

Gia hạn thời gian sáp nhập Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng và Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 trong năm 2021 hoặc 2022. Trụ sở chính của Công ty sau khi sáp nhập sẽ đặt tại thành phố Hồ Chí Minh; tại TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng sẽ là Chi nhánh Công ty.

Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường trong quý 3 năm 2021 để thông qua phương án sáp nhập giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng và Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 hoặc chia cổ phiếu thưởng.

Điều 8. Thông qua kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025 với kết quả như sau:

1. Danh sách trúng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2025

-
-
-
-
-

2. Danh sách trúng cử kiểm soát viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025

-
-
-

Điều 9. Thông qua toàn văn Điều lệ công ty năm 2021. Điều lệ công ty gồm 21 chương, 59 điều. Giao Hội đồng quản trị công ty ký ban hành Điều lệ công ty năm 2021.

Điều 10. Thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021. Quy chế nội bộ về quản trị công ty gồm 14 chương, 74 điều. Giao Hội đồng quản trị công ty ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021.

Điều 11. Thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty gồm 8 chương, 27 điều. Giao Hội đồng quản trị công ty ký ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty.

Điều 12. Thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty gồm 7 chương, 22 điều. Giao Hội đồng quản trị công ty ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty.

Điều 13. Thông qua Nghị quyết

Nghị quyết đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 21 năm 2021 tổ chức ngày 25/4/2021 (kèm theo Nghị quyết này là Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông).

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 26/4/2021, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Thủy lợi Lâm đồng có trách nhiệm tổ chức lãnh đạo Công ty thực hiện đúng các nội dung của Nghị quyết này.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Đình Hiến

DỰ THẢO

**QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT VIÊN BKS
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.

Đại hội đồng cổ đông (“**DHĐCD**”) Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) và kiểm soát viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025 theo các quy định sau:

*** Mục tiêu:**

- Đảm bảo tuân thủ pháp luật Việt Nam;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Đại hội.

Điều 1: Đối tượng thực hiện bầu cử

Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông của Công ty chốt ngày **26/3/2021**) có mặt tại thời điểm biểu quyết, đã hoàn thành thủ tục đăng ký và ký tên trong danh sách cổ đông dự họp, đều có quyền tham gia bầu thành viên HĐQT và KSV Ban kiểm soát.

Điều 2: Số lượng thành viên HĐQT, KSV cần bầu cử

- 2.1 Số lượng thành viên HĐQT cần bầu cử là: **05** (năm) thành viên, trong đó ít nhất 01 (một) thành viên HĐQT độc lập.
 - 2.2 Số lượng KSV BKS được bầu cử: **03** (ba) thành viên.
- Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT và Kiểm soát viên là 5 (năm) năm (2021 – 2025).

Điều 3: Tiêu chuẩn và điều kiện để trở thành thành viên HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập và kiểm soát viên Ban kiểm soát:

3.1 Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT

a. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

(Điều 155, Luật DN 2020 và Điều 275 NĐ 155/2020)

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 17, Luật Doanh nghiệp 2020;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty LHC và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty LHC;
- Thành viên HĐQT công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa 05 Công ty khác.

b. Thành viên HĐQT độc lập có thêm các tiêu chuẩn và điều kiện sau: (Khoản 2, Điều 155, Luật DN 2020)

- Không phải là người đang làm việc cho công ty LHC, Công ty con của công ty LHC; không phải là người đã từng làm việc cho công ty LHC, Công ty con của công ty LHC ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty LHC, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty LHC; là người quản lý của công ty LHC hoặc công ty con của công ty LHC;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty LHC;
- Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của công ty LHC ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3.2 Tiêu chuẩn và điều kiện kiểm soát viên Ban kiểm soát

(Khoản 1, Điều 169, Luật DN 2020, Điều 286 TT155/2020):

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, và người quản lý khác;
- Không phải là người quản lý Công ty LHC; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty LHC;
- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính Công ty;
- Không là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty LHC trong 03 năm liền 2018, 2019, 2020.

Điều 4: Quyền ứng cử, đề cử TV HĐQT và Kiểm soát viên:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần Công ty có quyền quyền đề cử các ứng viên HĐQT và Ban Kiểm soát.

1. Ứng cử và Đề cử Thành viên Hội đồng quản trị:

Số lượng ứng cử viên bầu thành viên HĐQT là 05 (năm) ứng cử viên.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty,

- a. Từ 10% đến dưới 20% được đề cử 01 (một) ứng cử viên;
- b. 20% đến dưới 35% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;
- c. 35% đến dưới 50% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
- d. 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;
- e. 65% đến dưới 80% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;
- f. Từ 80 trở lên được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên.

2. Đề cử kiểm soát viên Ban kiểm soát:

Số lượng ứng cử viên bầu kiểm soát viên BKS là 03 (ba) ứng cử viên

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty,

- a. Từ 10% đến dưới 25% được đề cử 01 (một) ứng cử viên;
- b. 25% đến dưới 50% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;
- c. 50% đến dưới 75% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
- d. Từ 75 trở lên được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề đưa vào danh sách bầu cử cao hơn 05 ứng cử viên (đối với bầu thành viên HĐQT) và 03 ứng cử viên (đối với bầu kiểm soát viên BKS) thì ưu tiên chọn ứng cử viên có số cổ phần ứng cử và đề cử từ cao xuống thấp. Nếu số ứng cử viên được cổ đông và nhóm cổ đông ứng cử và đề cử thấp hơn 05

ứng cử viên (đối với bầu thành viên HĐQT) và 03 ứng cử viên (đối với bầu kiểm soát viên BKS) thì HĐQT, BKS đương nhiệm đề cử số ứng cử viên còn lại.

Điều 5: Phương thức bầu cử

Việc bầu thành viên HĐQT và KSV BKS nhiệm kỳ 2021 – 2025 được thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu, phù hợp với quy định tại Khoản 3, Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020.

Căn cứ thực tế số lượng ứng viên được đề cử, ứng cử của các cổ đông, Công ty sẽ lập danh sách các ứng viên HĐQT và Kiểm soát viên đáp ứng các tiêu chuẩn quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Đại hội sẽ tiến hành bầu tròn và lựa chọn theo phiếu bầu từ cao xuống thấp.

- Số lượng thành viên HĐQT cần bầu cử là: **05** thành viên, trong đó **01** thành viên độc lập HĐQT;
- Số lượng Kiểm soát viên: **03** thành viên.

5.1 Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:

Phiếu bầu cử:

- Phiếu bầu được in thống nhất, có đóng dấu treo của Công ty LHC, có ghi mã số cổ đông, tên cổ đông, số cổ phần sở hữu và đại diện, tổng số phiếu được quyền bầu;
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát 01 phiếu bầu HĐQT và Kiểm soát viên có ghi sẵn tên cổ đông, mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu và tổng số phiếu bầu thành viên HĐQT /Kiểm soát viên Ban kiểm soát. Theo đó, tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền);
- Cổ đông được phát phiếu bầu cử phải kiểm tra lại thông tin ghi trên phiếu bầu. Trường hợp có sai sót (tên, số cổ phần, tổng số phiếu được quyền bầu), cổ đông thông báo ngay Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác.
- Tổng số phiếu bầu cho 01 ứng viên hoặc cho một số ứng viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó.

5.3 Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:

Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Phiếu bầu cử không do Công ty phát hành;
- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu bầu mới và trả lại phiếu cũ cho Ban kiểm phiếu);
- Phiếu bầu bị rách, không còn nguyên vẹn (trường hợp này cổ đông có thể yêu cầu đổi lại phiếu mới và trả lại phiếu cũ cho Ban kiểm phiếu, mỗi cổ đông được quyền yêu cầu đổi phiếu bầu cử 01 lần);
- Phiếu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có tổng cộng số quyền bầu vượt quá tổng số quyền bầu hiện có (bao gồm quyền sở hữu và được ủy quyền);
- Phiếu không ký tên và không ghi rõ họ tên của cổ đông;
- Phiếu bầu để trống, không ghi số lượng phiếu bầu cho ứng viên.

Điều 6: Trách nhiệm Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm chính sau:
 - + Hướng dẫn bầu; giới thiệu phiếu bầu và phát phiếu bầu;
 - + Tiến hành kiểm phiếu;
 - + Lập biên bản và công bố kết quả bầu cử trước Đại hội. Sau đó nộp biên bản kiểm phiếu và phiếu bầu cho Chủ tọa đại hội.
- Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT và KSV BKS.

Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và Trưởng ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 7: Nguyên tắc chọn người trúng cử:

- Người trúng cử thành viên HĐQT và kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu cao nhất tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT, Ban kiểm soát đã được Đại hội thông qua.

Điều 8: Khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu

Những khiếu nại của cổ đông về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa xem xét, giải quyết ngay tại Đại hội và được ghi vào biên bản Đại hội.

Điều 9: Hiệu lực thi hành:

Quy chế bầu cử này được đọc công khai trước Đại hội cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông trước khi tiến hành bầu cử.

Nếu Quy chế bầu cử này được Đại hội thông qua với tỷ lệ trên 50% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên và sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả cổ đông.

Quy chế này có hiệu lực kể từ khi được ĐHĐCĐ năm 2021 thông qua và là cơ sở pháp lý cho việc bầu thành viên HĐQT và KSV nhiệm kỳ 2021 – 2025.

Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi ĐHĐCĐ thường niên Công ty LHC 2021 kết thúc.

**TM BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
TRƯỞNG BAN – CHỦ TỊCH HĐQT**

LÊ ĐÌNH HIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
(LHC)

Đà Lạt, Ngày ... tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY Điều 4.

Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

CHƯƠNG VIII: GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành Công ty

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT HOẶC ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

Điều 48. Năm tài chính

Điều 49. Chế độ kế toán

CHƯƠNG XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 51. Báo cáo thường niên

CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

CHƯƠNG XVIII: GIẢI THẺ CÔNG TY

Điều 54. Giải thẻ công ty

Điều 55. Gia hạn hoạt động

Điều 56. Thanh lý

CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng - LHC là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng thông qua ngày . tháng 4 năm 2021.

Chương I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ (4 LDN)

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - đ. *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g. *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - h. *Người quản lý doanh nghiệp* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Kiểm soát viên; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;
 - i. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

- k. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l. *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- m. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- n. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- o. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty (37-42 LDN)

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**
- Tên tiếng Anh: **LAM DONG INVESTMENT AND HYDRAULIC CONSTRUCTION JOINT-STOCK COMPANY**
- Tên thương hiệu Công ty: **LHC**
- Tên Công ty viết tắt: **Công ty CPĐT và XD Thủy lợi Lâm Đồng**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

- Địa chỉ trụ sở chính: 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- Điện thoại: (0263) 3821854
- Fax: (0263) 3832542
- E-mail: xdthuyloild@gmail.com
- Website: www.lhc.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty (12,13 LDN)

1. Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b. Tổng giám đốc;

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty;

b. Trung thành với lợi ích của công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật này.

3. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty (7 LDN)

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước	4299

2	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác.	4933
3	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; cho thuê nhà làm việc, văn phòng, nhà ở.	6810
5	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản.	6820
6	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe ô tô, xe có động cơ khác.	7710
7	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu.	7730
8	Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông. Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng. Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại. Khai thác, chế biến khoáng sản.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Phát triển ổn định và bền vững, sử dụng có hiệu quả vốn và tài sản của Công ty, mang lại lợi ích tối đa cho Công ty và cổ đông.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần (112 LDN)

1. Vốn điều lệ của Công ty là 72.000.000.000 đồng (bằng chữ: Bảy hai tỷ đồng) Tổng số

vốn điều lệ của Công ty được chia thành 7.200.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu (121 LDN)

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc (thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần (127 LDN)

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (113 LDN)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu

hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát (137 LDN)

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
3. Tổng giám đốc.

Chương VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông (115 LDN)

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình (đã được thanh toán đầy đủ) cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - đ. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
- c. Quyền khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông (119 LDN)

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

d. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện thông qua thư, fax, hình thức điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông (139, 140 LDN)

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Khi ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông (138 LDN)

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm

toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

1. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r. Hợp đồng, giao dịch công ty ký kết với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t. Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u. Hợp đồng công ty ký kết, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

ư. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông (k4-14, 144 LDN)

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trừ khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không

phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông (141-143, k2-152 LDN)

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh

sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký của từng cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông (145 LDN)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp. Đại hội có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (146 LDN)

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên

tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại

hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua (148 LDN)

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (149 LDN)

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với

từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15

ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông (150 LDN)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (151 LDN)

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Chương VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị (115 LDN)

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị và quản lý của công ty khác);

đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ:

- 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử một (01) ứng viên;
- 25% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- 40% đến dưới 55% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- 55% đến dưới 70% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- 70% đến dưới 85% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Từ 85 % trở lên được đề cử tối đa năm (06) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị (154 LDN, 276 ND155)

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập tối thiểu một (01) thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp bao gồm:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Có đơn từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận. Tuy nhiên, các giao dịch phải theo công bố của Công ty và phải chịu trách nhiệm vật chất với các quyết định trước đó;
- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
- g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị (153 LDN)

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của

từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

t. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người quản lý điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị (163 LDN)

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị (156 LDN)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị (157 LDN)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Trường hợp khác (nếu có).
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành (trên 50%); trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa, tất cả thành viên Hội đồng quản trị dự họp và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty (281 NB 155)

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành khác của doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc và nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc (162 LDN)

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
6. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật DN;
 - b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

Chương IX

BAN KIỂM SOÁT

Công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, Công ty thành lập Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và theo quy định tại Điều 36 đến Điều 41 Điều lệ này.

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) (115 LDN)

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:
- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;

- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban kiểm soát và quản lý của công ty khác);
- đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ:

- 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử một (01) ứng viên;
- 25% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- 40% đến dưới 55% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- 55% đến dưới 70% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Từ 70% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát (168, 169 LDN)

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó;
- c. Là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại

khoản 2 Điều này;

- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát (170 LDN)

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác;
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
5. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
6. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
7. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
8. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
9. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc; Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.
10. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;
11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi (165 LDN, 291 ND 155)

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực

hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 của năm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy

định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVII DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp (43 LDN)

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và Điều lệ công ty.

a. Con dấu Công ty được thể hiện là hình tròn, mực sử dụng màu đỏ;

b. Nội dung con dấu có những thông tin sau: Tên doanh nghiệp, Mã số doanh nghiệp, thành phố, tỉnh nơi Công ty đặt trụ sở chính;

c. Số lượng con dấu: 02 (hai).

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp

luật hiện hành.

Chương XVIII

GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

đ. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXI **NGÀY HIỆU LỰC**

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông **Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng** nhất trí thông qua ngày ... tháng 4 năm 2021 tại Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đà Lạt, ngày ... tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng 4 năm 2021.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty bao gồm các nội dung sau:

Chương 1

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Trong trường hợp có những quy định của Điều lệ công ty và văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Nguyên tắc quản trị công ty: là hệ thống các quy tắc để bảo đảm cho công ty được

điều hành, kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của công ty;
- HĐQT và BKS thực hiện việc lãnh đạo và kiểm soát công ty một cách có hiệu quả.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Chương 2

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
7. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
8. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

9. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
10. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
11. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
12. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
13. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Chương 3

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ

1. Công ty tổ chức ĐHĐCĐ thường niên một năm 1 lần. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ thường niên trong thời hạn không quá 4 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
3. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp ĐHĐCĐ thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

4. Ngoài ra, HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ, hoặc ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 điều 14 của Điều lệ Công ty.

5. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 6. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ:

Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp)

1. Người triệu tập ĐHĐCĐ thực hiện các nhiệm vụ sau:

- a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá mười 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- f. Các công việc khác phục vụ đại hội.

2. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và

phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;

Điều 8. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

1. Cổ đông xác nhận tham dự: về nguyên tắc, cổ đông có quyền tham dự tất cả ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường. Tuy nhiên, để giúp cho HĐQT tổ chức chu đáo và hạn chế lãng phí, cổ đông sẽ xác nhận trước việc tham dự ĐHĐCĐ bằng một hoặc nhiều hình thức: điện thoại, fax, e-mail, đăng ký trực tiếp tại văn phòng Công ty với bộ phận quản lý cổ đông có ghi rõ trên thư mời họp.

2. Nếu cổ đông không thể tham dự đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự; việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự phiên họp ĐHĐCĐ cần mang theo các giấy tờ sau:

- a. Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước hoặc hộ chiếu;
- b. Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự họp).

3. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu dự họp, thẻ biểu quyết.

4. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 10. Điều kiện tiến hành

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp. Đại hội có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu

1. Tất cả các nội dung trong chương trình họp ĐHĐCĐ đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến của tất cả cổ đông, đại diện theo ủy quyền cổ đông tham dự bằng Thẻ/Phiếu biểu quyết hoặc Phiếu bầu cử theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện.

Công ty nỗ lực ghi nhận các ý kiến phát biểu và biểu quyết của cổ đông thực hiện thông qua hình thức biểu quyết điện tử, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp ĐHĐCĐ thông qua thư, fax, thư điện tử và/hoặc biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp. Các cổ đông được đảm bảo rằng việc biểu quyết bằng hình thức biểu quyết điện tử hoặc hình thức biểu quyết tương đương khác, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử (gọi chung là “Bỏ phiếu từ xa”) có giá trị tương đương với các thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

2. Trình tự biểu quyết đối với từng nội dung được đưa ra trước Đại hội:

- a. Tán thành (đồng ý) với nội dung vừa được trình;
- b. Không tán thành (không đồng ý) với nội dung vừa được trình;
- c. Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.

3. Phương thức bầu, biểu quyết:

a. Phương thức nộp “Phiếu biểu quyết”: mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông được phát một (01) phiếu biểu quyết trong đó có ba (03) ý kiến: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng nội dung biểu quyết, cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông “Ký tên” vào ô mình chọn. Phương thức này dùng để thông qua các báo cáo và tờ trình tại Đại hội;

b. Phương thức nộp “Phiếu bầu cử”: cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông “Ký tên” vào ô có tên của người mình muốn bầu. Phương thức này dùng để bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

c. Phương thức giơ “Thẻ biểu quyết”: khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết thì giơ thẻ biểu quyết lên cao. Phương thức này dùng để thông qua các nội dung khác, trừ các báo cáo, tờ trình, bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội.

4. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử:

a) Về hình thức: Phiếu hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, có dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa và phải có chữ ký của cổ đông hoặc đại diện.

b) Về nội dung:

- Phiếu biểu quyết không ghi thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này, “Ký tên” bằng bút mực chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- Phiếu bầu cử:

- + Không ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
- + “Ký tên” bằng bút mực, không ghi nội dung bằng viết chì, không gạch tên các ứng cử viên;
- + Số ứng cử viên bầu nhỏ hơn hoặc bằng số lượng ứng cử viên cần bầu;
- + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu được phép bầu của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
- + Phiếu nộp trước khi Ban kiểm phiếu mở niêm phong thùng phiếu.

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu

Giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, kiểm phiếu:

1. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, kiểm phiếu, số thành viên của Ban Kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp theo quy định của pháp luật.
2. Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm giám sát việc biểu quyết của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự phiên họp và kiểm tra số Thẻ/Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử của từng nội dung; ghi nhận và báo cáo kết quả biểu quyết, bầu cử tại phiên họp ĐHĐCĐ.

Điều 14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành., trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 15. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

- a. Thông báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, BKS và báo cáo việc HĐQT bỏ nhiệm TGD.

2. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty hoặc chi nhánh tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

Điều 16. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ (theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp)

1. Trong Đại hội, cổ đông có thể công khai phát biểu không đồng ý và sử dụng phiếu để biểu quyết không tán thành, có thể không tham gia biểu quyết. Tuy nhiên, sau khi ĐHĐCĐ đã biểu quyết thì phải tuân thủ kết quả biểu quyết của ĐHĐCĐ.

2. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty.
- b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và

Điều lệ Công ty.

4. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 17. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Biên bản họp ĐHĐCĐ do thư ký đại hội lập ngay tại cuộc họp;
2. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung quy định tại điều 150 Luật Doanh nghiệp và Điều 23 Điều lệ Công ty. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký ký xác nhận vào biên bản.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 18. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

1. Trong thời gian hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua quyết định của ĐHĐCĐ (bao gồm nghị quyết, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), Công ty phải thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện sau:

- a. Trang thông tin điện tử của Công ty;
- b. Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
- c. Trang thông tin điện tử của Sở GDCK;

2. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, Sở GDCK.

Chương 3

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐHĐCĐ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 19. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

1. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

4. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm

kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

Điều 20. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản;

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 21. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

1. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

2. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

3. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHDCĐ.

Chương 4

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Ngoài hình thức tổ chức họp trực tiếp, Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương đương khác trong trường hợp xảy ra:

- Các sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: Thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, nổi dậy, bạo động, khủng bố, các quyết định hạn chế hay cấm đoán của Nhà nước và/hoặc;
- Các sự kiện khách quan khác mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức họp trực tiếp.

Trong trường hợp Hội đồng quản trị quyết định triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương đương khác, Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành và công bố trên website của Công ty Quy chế tổ chức Đại hội trước ít nhất hai mươi một (21) ngày tính từ thời điểm khai mạc Đại hội với các nội dung:

- + Hướng dẫn trình tự, thủ tục tổ chức và tiến hành Đại hội cổ đông thường niên và bất thường dưới hình thức họp trực tuyến hoặc hình thức tương đương khác;
- + Quy định cách thức bỏ phiếu, gửi phiếu biểu quyết thông qua thư/fax/thư điện tử và các hình thức biểu quyết tương đương khác để cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến;
- + Các nội dung khác liên quan đến tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc hình thức tương đương khác.

Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.

1. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Như quy định thông báo triệu Đại hội đồng cổ đông tham dự trực tiếp.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Cổ đông sử dụng tài khoản truy cập để đăng nhập vào hệ thống và đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo quy định tại Quy chế này và hướng dẫn của Công ty.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Theo hướng dẫn của Công ty tại thời điểm thông báo cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

4. Điều kiện tiến hành: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông dự họp trực tuyến đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến:

- Cổ đông thực hiện bỏ phiếu trực tuyến thông qua tài khoản truy cập và mã OTP để được đăng nhập vào Website khi thực hiện biểu quyết.

- Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên hệ thống.

- Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu “Không ý kiến”.

7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến: Ban kiểm phiếu căn cứ vào thông tin đăng nhập và thông tin biểu quyết của cổ đông để tổng hợp kết quả biểu quyết của từng cổ đông đối với từng vấn đề xin ý kiến.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Ban kiểm phiếu sẽ công bố ngay kết quả kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ Công ty và Quy định của pháp luật hiện hành.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của Luật Chứng khoán.

Chương 5

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QU NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN

Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến.

1. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Như quy định thông báo triệu Đại hội đồng cổ đông tham dự trực tiếp.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: Cổ đông tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự trực tiếp tại địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Ngoài ra, Công ty sẽ bố trí nhiều phòng họp tại địa điểm tổ chức để đón tiếp cổ đông tham dự họp, đảm bảo khoảng cách ngồi của cổ đông trong suốt cuộc họp. Màn hình chiếu và máy tính có kết nối mạng được chuẩn bị đầy đủ, đảm bảo đường kết nối giữa các phòng ổn định, hình ảnh hiển thị, âm thanh chuẩn và đồng nhất giữa các phòng họp, mang đến sự liên kết cổ đông với các phòng họp khác nhau.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông: Theo hướng dẫn của Công ty tại thời điểm thông báo cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

4. Điều kiện tiến hành: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

6. Cách thức bỏ phiếu:

- Đối với cổ đông tham dự trực tiếp: Phiếu biểu quyết phải được cổ đông hoặc người ủy quyền ký vào 01 ô tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không ý kiến” đối với từng nội dung đề nghị biểu quyết.

- Đối với cổ đông tham dự trực tuyến tại các phòng họp khác nhau:

+ Cổ đông thực hiện bỏ phiếu trực tuyến thông qua tài khoản truy cập và mã OTP để được đăng nhập vào Website khi thực hiện biểu quyết.

+ Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên hệ thống.

+ Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu “Không ý kiến”.

7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến: Ban kiểm phiếu căn cứ vào thông tin đăng

nhập và thông tin biểu quyết của cổ đông để tổng hợp kết quả biểu quyết của từng cổ đông đối với từng vấn đề xin ý kiến.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Ban kiểm phiếu sẽ công bố ngay kết quả kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ Công ty và Quy định của pháp luật hiện hành.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của Luật Chứng khoán.

Chương 6

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty phải lập báo cáo đánh giá về

hoạt động của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 25. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông đề cử, ứng cử, bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ:

- 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử một (01) ứng viên;

- 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

- 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

- 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

- 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;

- 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;

- 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Điều 26. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.

Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Các thức bầu thành viên HĐQT

1. Việc bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

2. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho HĐQT, ĐHĐCĐ sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên quy định đối với HĐQT;

3. Trường hợp phải lựa chọn 01 trong 02 ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì ứng viên nào đang có cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương

thức mà ĐHĐCĐ cho là phù hợp;

4. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và Nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

1. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
2. Thành viên đó rời đơn vị chức đến trụ sở chính của Công ty;
3. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
4. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của HĐQT và HĐQT quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
6. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT.

Điều 29. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 30. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập tối thiểu là một (01) thành viên.

2. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT:

- a. Có năng lực kinh doanh, năng lực lãnh đạo và tổ chức quản lý doanh nghiệp, hiểu biết sâu sắc về các nguyên lý kinh doanh, ưu tiên có nhiều năm công tác trong ngành nghề SXKD của Công ty, đã từng tham gia quản lý doanh nghiệp;
- b. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có năng lực hành vi dân sự, hiểu biết về pháp luật; có năng lực và nhiệt tình để giải quyết những vấn đề

chiến lược dài hạn của công ty; khả năng tham gia một cách hiệu quả trong các buổi thảo luận và sẵn sàng thực hiện quyền hạn trên tinh thần hợp tác;

c. Thành viên HĐQT công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT của trên năm (05) công ty khác;

d. Theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 31. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

2. Công ty công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty thay đổi, bầu, bầu lại, miễn nhiệm thành viên HĐQT trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin trên, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GD&ĐT Bản cung cấp thông tin của thành viên HĐQT mới (nếu có).

Điều 32. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày kết thúc bầu cử. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì.

2. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT theo quy định tại khoản 4, Điều 26 Điều lệ.

Điều 33. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương 7

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 34. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp.

Điều 35. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

1. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. BKS;
- b. TGD hoặc ít nhất năm (05) cán bộ điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập HĐQT;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp có quyền triệu tập họp HĐQT.

2. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

Điều 36. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

3. Cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

Điều 37. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền được mời dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 38. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên

HĐQT dự họp.

3. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

c. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

d. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

Điều 39. Cách thức biểu quyết

Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết. Biểu quyết bằng hình thức giơ tay biểu quyết cho từng nội dung.

Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

Điều 40. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 41. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 42. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Thư ký ghi biên bản cuộc họp. Chủ tịch HĐQT chuyển biên bản cho các thành viên và những biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả thành viên HĐQT dự họp và người ghi biên bản. Sổ biên bản sẽ được lưu giữ tại Công ty và luôn sẵn sàng cung cấp cho các thành viên HĐQT kiểm tra.

Điều 43. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản này có hiệu lực.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 44. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT phải được công bố theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Chương 8

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Điều 45. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)

Trong từng nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị có thể thành lập hoặc giải thể các Tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị. Thành viên của các Tiểu ban này có thể do Hội đồng quản trị cử người lao động Công ty kiêm nhiệm hoặc thuê chuyên gia nếu thấy cần thiết. Các Tiểu ban gồm:

1. Tiểu ban thư ký:

- a) Biên chế do HĐQT quyết định;
- b) Nhiệm vụ của Tiểu ban Thư ký:
 - Tổ chức cuộc họp ĐHCĐ:
 - + Chọn địa điểm họp phù hợp, phòng họp đủ điều kiện chỗ ngồi, ánh sáng, âm thanh, thiết bị ghi âm, ghi hình;
 - + Kiểm tra tư cách đại biểu;
 - + Chuẩn bị tài liệu gửi kèm thông báo triệu tập ĐHCĐ.

- Giúp Chủ tịch HĐQT điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ;
- + Lập biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ;
- + Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Đảm bảo các Nghị quyết của HĐQT phù hợp quy định pháp luật;
- Cung cấp thông tin cho thành viên HĐQT.

2. **Tiểu ban Tư vấn pháp lý:**

- a) Biên chế do HĐQT quyết định;
- b) Tiểu ban Tư vấn pháp lý có nhiệm vụ:

- Xem xét tính hợp pháp của các hợp đồng kinh tế, dân sự và các văn bản pháp lý của Công ty;

- Đảm bảo các điều kiện pháp lý cho hoạt động của Công ty: Dự thảo sửa đổi, bổ sung điều lệ, quy chế, nội quy hoạt động của Công ty;

- Tư vấn Hội đồng quản trị, TGD thực hiện đúng các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty;

- Hỗ trợ pháp lý cho TGD khi có các tranh chấp về các hợp đồng;

- Giúp HĐQT tìm kiếm các chuyên gia tư vấn về các lĩnh vực pháp luật chuyên ngành theo yêu cầu của HĐQT.

3. **Tiểu ban Tư vấn công nghệ, nhân lực, thị trường:**

- a) Biên chế do Hội đồng quản trị quyết định;

- b) Tiểu ban tư vấn công nghệ, nhân lực, thị trường giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ:

- Xây dựng chiến lược phát triển, đầu tư, mua, bán công nghệ;

- Xây dựng chiến lược phát triển thị trường;

- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực.

4. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thành lập các Tiểu ban nêu trên hoặc các Tiểu ban khác khi có nhu cầu thực tế đòi hỏi và theo quy định của pháp luật liên quan.

5. Trường hợp chưa thành lập các tiểu ban giúp việc, HĐQT có thể phân công trách nhiệm từng thành viên HĐQT phụ trách từng lĩnh vực cụ thể (Nhân sự, kinh doanh, đầu tư, thị trường ,...)

Chương 9

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 46. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
3. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 47. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

HĐQT bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị do HĐQT quyết định, tối đa là năm (5) năm.

Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

HĐQT miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trong các trường hợp sau:

1. Không còn đủ tiêu chuẩn làm Người phụ trách quản trị Công ty;
2. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
3. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 49. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Công ty công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty thay đổi, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin trên, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GD&ĐT Bản cung cấp thông tin của người phụ trách quản trị công ty (nếu có).

Điều 50. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty; ⁵
8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương 10

BAN KIỂM SOÁT

Điều 51. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

1. Vai trò của Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra, giám sát toàn diện mọi hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 52. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá (05) năm năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 53. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 54. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên Ban kiểm soát. Việc đề cử ứng viên Ban kiểm soát mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ:

- 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử một (01) ứng viên;
- 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

Điều 55. Cách thức bầu Ban kiểm soát

1. Việc bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Kiểm soát viên và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

2. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Kiểm soát viên, ĐHĐCĐ sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên quy định đối với Kiểm soát viên;

3. Trường hợp phải lựa chọn 01 trong 02 ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì ứng viên nào đang có cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà ĐHĐCĐ cho là phù hợp;

4. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và Nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 56. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - a. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Kiểm soát viên có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 57: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát

Công ty công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty thay đổi, bầu, bầu lại, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin trên, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GD&ĐT Bản cung cấp thông tin của Kiểm soát viên mới (nếu có).

Điều 58. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương 11

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 59. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Vai trò và trách nhiệm của Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc là chức danh quan trọng trong hệ thống tổ chức quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm. Tổng Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty dưới sự giám sát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Tổng Giám đốc có thể là một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác được Hội đồng quản trị thuê.

2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:

- Quyết định trực tiếp các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty mà không cần có quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các hoạt động kinh doanh theo nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án tổ chức cơ cấu và quy chế quản lý nội bộ trong Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm một số chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Điều chỉnh tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- Đưa ra và thực hiện kế hoạch, phương án tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị các phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong quá trình kinh doanh của Công ty;
- Điều hành công việc kinh doanh của Công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Hội đồng quản trị và hợp đồng lao động đã ký kết với Công ty. Nếu làm trái gây thiệt hại thì sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty;
- Ngoài ra, Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ hoặc nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Điều 60. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo Điều 64. Các điểm chính như sau:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế quản trị kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
- Trung thực, mẫn cán và có uy tín;

Điều 61. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

1. Việc lựa chọn, bổ nhiệm Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động, Điều lệ và Nội quy Công ty.

2. Quy trình bổ nhiệm:

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của chủ tịch Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị khác cũng có thể đề cử ứng cử viên cho vị trí Tổng Giám đốc. Trường hợp có nhiều ứng cử viên thì Hội đồng quản trị có thể xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác để lựa chọn người được bổ nhiệm. Hồ sơ đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc do người đề cử ứng cử viên chuẩn bị, bao gồm:

- Đề nghị bổ nhiệm của người đề cử, nêu rõ nhận xét của người đề cử, đề xuất mức lương, thưởng, các lợi ích, thỏa thuận dự kiến với Tổng Giám đốc;
- Sơ yếu lí lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm;
- Kế hoạch hành động từ ba (03) đến năm (05) năm của Tổng Giám đốc;
- Bản kê khai lợi ích liên quan của ứng cử viên với Công ty theo quy định của Điều 164 Luật Doanh nghiệp;
- Các cam kết của Tổng Giám đốc; và Dự thảo Hợp đồng lao động (nếu cần).

Toàn bộ hồ sơ nêu trên phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị dự họp cùng với tài liệu mời họp, trừ trường hợp các thành viên Hội đồng quản trị không có ý kiến phản đối về thời gian gửi tài liệu. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo trong ĐHCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với TGD điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định

Điều 62. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với đối với Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng với Tổng giám đốc; Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác, khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm một TGD điều hành mới thay thế. TGD điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại ĐHĐCĐ tiếp theo gần nhất.

2. HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
- b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

Điều 63: Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Công ty công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Tổng Giám đốc trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin trên, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GD&ĐT Bản cung cấp thông tin của cán bộ quản lý mới (nếu có).

Điều 64. Tiền lương và lợi ích khác của người điều hành doanh nghiệp.

Công ty trả lương, thưởng cho người điều hành doanh nghiệp theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

Tiền lương và thưởng của người điều hành doanh nghiệp do Hội đồng quản trị quyết định.

Chương 12

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 65. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và TGD.

1. Tất cả các cuộc họp của HĐQT và Đại hội cổ đông đều phải báo đến BKS và có thư mời BKS tham dự. BKS có quyền cử người tham dự hoặc không tham dự, nhưng phải có xác nhận đến HĐQT trước cuộc họp ít nhất là 02 ngày.
2. Ban TGD có thể được mời tham dự các cuộc họp HĐQT hoặc Đại hội đồng Cổ đông khi người triệu tập cuộc họp thấy cần thiết.
3. Thông báo mời họp đối với cuộc họp HĐQT đến cho BKS và Ban TGD (khi cần)

cũng theo quy định như đối với thư mời họp dành cho các thành viên HĐQT khác.

4. Thông báo mời họp đối với ĐHĐCĐ đến cho BKS và Ban Điều hành (khi cần) cũng theo quy định như đối với thư mời họp dành cho cổ đông của Công ty.

5. Khi thư ký cuộc họp đọc lại biên bản trước khi kết thúc cuộc họp, BKS có quyền có ý kiến nếu phát hiện có nội dung không đúng theo tinh thần cuộc họp đã thống nhất. Trong một số trường hợp cần thiết có liên quan, BKS và Ban TGD sẽ được yêu cầu đồng ký vào biên bản để xác nhận.

6. Sau tất cả các cuộc họp của HĐQT và ĐHĐCĐ, bản sao biên bản sẽ được gửi đến cho BKS, và trong một số trường hợp cần thiết thì gửi đến cho Ban TGD trong vòng tối đa 03 ngày làm việc.

Điều 66. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho BKS và Ban TGD.

Tất cả nghị quyết của các cuộc họp của HĐQT và ĐHĐCĐ sẽ được chuyển bản sao đến cho BKS, và trong một số trường hợp cần thiết thì gửi đến cho Ban TGD trong vòng tối đa 03 ngày làm việc.

Điều 67. Các trường hợp TGD và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi TGD và BKS đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn.

2. Các cuộc họp HĐQT nêu tại khoản 1 điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 1 điều này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.

Điều 68. Báo cáo của TGD với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. TGD là người chịu trách nhiệm cao nhất trong nghiên cứu xây dựng các phương án hoạt động để trình HĐQT; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Khi phát hiện những vấn đề không có lợi cho công ty, TGD báo cáo với HĐQT để ra quyết định điều chỉnh. Nếu HĐQT không điều chỉnh lại thì TGD vẫn phải thực hiện theo quyết định của HĐQT nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị trước ĐHĐCĐ gần nhất.

2. TGD được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của HĐQT nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của nhà nước và báo cáo giải trình ngay với HĐQT và BKS bằng văn bản. HĐQT có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của TGD nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết

và các quyết định của HĐQT.

3. TGD có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay với HĐQT và ĐHĐCĐ trong thời gian gần nhất.

4. TGD phải báo cáo trong các cuộc họp HĐQT về các vấn đề sau: các vấn đề ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của công ty, ảnh hưởng đến công ty, cổ đông và thị trường; cơ cấu tổ chức công ty, các hệ thống hiện có nhằm phát triển đội ngũ lãnh đạo cấp cao của công ty và hiệu quả của chúng.

5. TGD phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trước HĐQT và ĐHĐCĐ. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì HĐQT sẽ ra nghị quyết bãi nhiệm TGD.

6. Thành viên HĐQT không trực tiếp giao việc cho nhân viên Công ty mà không thông qua TGD, trừ trường hợp nhân viên Công ty được phân công làm việc trực tiếp với thành viên HĐQT đó.

7. HĐQT có thể cử đại diện tham dự các buổi họp nội bộ Công ty của TGD khi xét thấy cần thiết. Những cuộc họp quan trọng có liên quan đến cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì TGD phải chủ động mời HĐQT tham dự.

Điều 69. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với TGD

Khi cần thiết, HĐQT có quyền yêu cầu TGD báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Kết quả thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư và các chỉ tiêu tài chính, so sánh với kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua (theo định kỳ hàng tháng, hàng quý, 06 tháng và hàng năm).

Điều 70. Các vấn đề TGD phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

TGD phải cung cấp bằng văn bản các báo cáo, thông tin sau cho HĐQT và BKS:

1. Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty theo định kỳ (hàng quý, 06 tháng, 09 tháng, hàng năm) và theo yêu cầu của HĐQT;
2. Trước ngày 31/3 hàng năm, TGD phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch sản xuất, kinh doanh chi tiết cho năm tài chính đó trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
3. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được

trình đề HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

4. Mọi quyết định và các văn bản chỉ đạo điều hành của TGD hoặc người được ủy quyền, Kế toán trưởng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đều phải được gửi đến HĐQT, BKS một (01) bản để báo cáo.

Điều 71. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và TGD theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

1. Các thành viên HĐQT, BKS và TGD thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và kế hoạch hành động chung.

2. BKS có quyền và nghĩa vụ quy định trong Điều lệ Công ty cũng như theo luật pháp có liên quan quy định. HĐQT và Ban Điều hành chịu sự kiểm soát của BKS theo quy định của Điều lệ Công ty và phải tạo điều kiện thuận lợi cho BKS thực thi nhiệm vụ.

3. BKS có trách nhiệm thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động của Công ty, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ, chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.

4. Khi tham dự cuộc họp của HĐQT, BKS có quyền phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không được quyền tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của HĐQT thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản và trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ gần nhất.

5. BKS phải lập chương trình, kế hoạch kiểm tra định kỳ và thông báo cho HĐQT, TGD Công ty biết trước khi thực hiện, trừ trường hợp cần kiểm tra đột xuất có lý do chính đáng.

6. Các giao dịch của Công ty với người có liên quan theo quy định của Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải được thông báo cho BKS ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi thực hiện, trừ các giao dịch đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Chương 13

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TGD VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 72. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, TGD và các người điều hành doanh nghiệp khác

1. Phương thức đánh giá hoạt động:

- a. HĐQT đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý cấp cao có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:
 - Tự nhận xét, đánh giá;
 - Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
 - Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.
- b. Đối với cán bộ quản lý cấp trung và cấp cơ sở, TGD quyết định phương thức, quy trình tổ chức và thực hiện đánh giá hoạt động, báo cáo HĐQT kết quả thực hiện đánh giá.

2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:

- a. HĐQT đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ HĐQT quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- b. BKS đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm, dựa theo chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- c. HĐQT đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng, cán bộ quản lý cấp cao định kỳ hàng năm trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, có tham khảo ý kiến của Trưởng BKS.
- d. Việc đánh giá hoạt động đối với các cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý khác được thực hiện hàng năm theo nội dung mô tả công việc, thỏa thuận trong hợp đồng lao động và do TGD quyết định.

3. Khen thưởng:

- a. Thẩm quyền khen thưởng:
 - HĐQT quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do HĐQT bổ nhiệm.
 - TGD quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do TGD bổ nhiệm.
- b. Chế độ khen thưởng:
 - Bằng tiền;
 - Bằng hiện vật;
 - Hoặc hình thức khác.
- c. Việc khen thưởng đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, Phó TGD và Kế toán trưởng được thực hiện theo Quy chế trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý công ty.
- d. Việc khen thưởng đối với các chức danh quản lý khác được thực hiện theo Quy

chế trả lương, thưởng đối với người lao động Công ty.

- e. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng, ngoại trừ các trường hợp mà ĐHĐCĐ đã thông qua trước đó.

4. Kỷ luật:

a. Hàng năm, công ty căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ kỷ luật, hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Ban Điều hành và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

b. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Ban Điều hành và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương 14 **CÁC QUY ĐỊNH CHUNG KHÁC**

Điều 73. Các quy định khác

Ngoài những quy định, quy trình nêu trong Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty này, các thành viên HĐQT, BKS, Ban Điều hành và quản lý cấp cao khác phải thực hiện thêm và theo các quy định, quy trình, nghĩa vụ, trách nhiệm,... nêu trong Quy Chế Quản trị Công ty, Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các luật khác có liên quan.

Điều 74. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng bao gồm 74 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày... tháng 4 năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Đà Lạt, ngày ... tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng 04 năm 2021;
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, có hiệu quả vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có **05** thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá **05** năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá **02** nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của (05) năm công ty khác;
 - d. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
- e. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn **06 tháng** kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá (1/3) một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn **60 ngày** kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên

phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu **10 ngày** trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn **30 ngày** kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e. Xác định thời gian và địa điểm họp;

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là **03 người** bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn **07 ngày** làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu

bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d. Trường hợp khác theo Điều lệ công ty.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn **07 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là **03 ngày** làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền được mời dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ **(3/4)** ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn **07 ngày** kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn **(1/2)** một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là **01 giờ** trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b. Báo cáo tài chính;

c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là **30 ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là **10 ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công

ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất **01 năm** có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai với công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn **07** ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn **07** ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
 3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 24. Trình tự lựa chọn và bổ nhiệm cán bộ quản lý

1. Cán bộ quản lý cấp cao bao gồm: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.
2. Cán bộ quản lý cấp trung bao gồm: Trưởng Phòng nghiệp vụ, Giám đốc Xí nghiệp trực thuộc Công ty.
3. Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau :
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong điều hành doanh nghiệp hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau :
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
 - b. Là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế phù hợp với vị trí công việc được bổ nhiệm.
 - c. Không được đồng thời làm cán bộ quản lý của doanh nghiệp khác.
5. Bổ nhiệm:
 - a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một trong số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc điều hành.
 - b. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị xem xét, quyết định bổ nhiệm các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty khi có từ (2/3) hai phần ba trở lên số thành viên Hội đồng quản trị tán thành; Hình thức biểu quyết là bầu phiếu kín. Nhiệm kỳ của Ban Tổng giám đốc là 03 năm và có thể tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - c. Cán bộ quản lý cấp trung do Tổng Giám đốc quyết định bổ nhiệm sau khi được Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua.

6. Ký kết hợp đồng lao động :

Cán bộ quản lý cấp cao do Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động. Mức lương, lợi ích và các điều kiện khác sẽ được thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng.

Điều 25: Miễn nhiệm, bãi nhiệm cán bộ quản lý

1. Cán bộ quản lý cấp cao bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 24 của Quy chế này.
- b. Trong quản lý, điều hành không mang lại hiệu quả hoặc gây tổn thất lớn đến lợi ích của Công ty.
- c. Có đơn xin từ chức gửi đến Hội đồng quản trị Công ty.
- d. Theo quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty khi có từ (2/3) hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành, trong trường hợp Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị thì không được biểu quyết. Tổng Giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm cán bộ quản lý cấp cao phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Phối hợp của Hội đồng quản trị đối với các tổ chức, đoàn thể trong Công ty

1. Hội đồng quản trị phối hợp chặt chẽ với Đảng ủy Công ty và Ban chấp hành các đoàn thể quần chúng chăm lo, bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động, vận động cán bộ, công nhân tham gia xây dựng, phát triển doanh nghiệp, tự giác thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Hội đồng quản trị và các thành viên hội đồng quản trị có trách nhiệm giải quyết và trả lời các kiến nghị của Đảng ủy Công ty và Ban chấp hành các đoàn thể quần chúng.

3. Hoạt động của các tổ chức, đoàn thể trong Công ty

a. Về tài chính: Các hoạt động của tổ chức, đoàn thể trong Công ty không được sử dụng nguồn tài chính của Công ty, trừ khi Hội đồng quản trị có quyết định khác;

b. Quỹ thời gian làm việc: Các sinh hoạt, hội họp của các tổ chức, đoàn thể trong giờ làm việc với thời lượng dưới 60 phút do Tổng giám đốc quyết định, nếu vượt quá 60 phút phải được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Về phương tiện, cơ sở vật chất: Tổng giám đốc quyết định việc hỗ trợ phương tiện, cơ sở vật chất cho các hoạt động của tổ chức, đoàn thể trong Công ty khi có nhu cầu.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng bao gồm 8 chương, 27 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng 04 năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Đà Lạt, ngày ... tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng 4 năm 2021.

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm phải chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

- b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- đ. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phân vốn của doanh nghiệp tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

- 1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- 2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
- 3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

- 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định

của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác;

đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường

- niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
 5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
 6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
 7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
 8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm phải chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
 10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
 11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
 12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
 13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
 14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
 15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty chi trả.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp

của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng 4 năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐT & XD
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
≡&≡

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
≡&≡
....., ngàytháng 04 năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN

(V/v Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng)

Tên tôi là:

CMND/ĐKKD số:, cấp ngày/...../....., tại:

Địa chỉ:

Chủ sở hữu: Cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (Ngày đăng ký cuối cùng 26/03/2021).

Bằng giấy ủy quyền này, tôi xin ủy quyền cho:

Ông (Bà):

CMND số:, cấp ngày/...../....., tại:

Địa chỉ:

Ông (Bà) là người đại diện để thay mặt tôi tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng vào ngày 25/04/2021 để thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông đối với số cổ phần là: cổ phần theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.

Người được ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Người ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú: Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền lại cho người khác dự họp và không được ứng cử với tư cách cá nhân mình.